

Sở GD&ĐT TP Đà Nẵng
Trường THPT Đỗ Đăng Tuyển
Tổ: Ngữ văn, KHBD khối 11
GV: Đoàn Thị Bích Hà
Ngày soạn: 10/9/2025
Ngày dạy: Tuần 4-7
Tiết 12-21

BÀI 2: CẤU TỬ VÀ HÌNH ẢNH TRONG THƠ TRỮ TÌNH

Thời gian thực hiện: 10 tiết

(Đọc: 6 tiết, Thực hành tiếng Việt: 1 tiết, Viết: 2 tiết, Nói và nghe: 1 tiết)

A. MỤC TIÊU CHUNG

1. Về kiến thức:

- Đánh giá được giá trị thẩm mỹ của một số yếu tố trong thơ như ngôn từ, cấu tứ, hình thức bài thơ thể hiện trong văn bản; nhận biết và phân tích được vai trò của yếu tố tượng trưng trong thơ.
- Phân tích và đánh giá được tình cảm, cảm xúc và cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản thơ; phát hiện được các giá trị văn hóa, triết lý nhân sinh từ văn bản thơ.
- Nhận biết và phân tích được một số đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ văn học. Phân tích được tính đa nghĩa của ngôn từ trong tác phẩm văn học.
- Nhận biết được đặc điểm và tác dụng của một số hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường.
- Viết được văn bản nghị luận về một bài thơ: tìm hiểu cấu tứ và hình ảnh của tác phẩm.
- Biết giới thiệu (dưới hình thức nói) về một tác phẩm nghệ thuật (văn học, điện ảnh, âm nhạc, hội họa) theo lựa chọn cá nhân.

2. Về năng lực:

- Năng lực chung: Năng lực tiếp nhận; năng lực tự nhận thức; năng lực giao tiếp và hợp tác; năng lực tự chủ và tự học; năng lực đánh giá; năng lực tư duy phản biện; giải quyết vấn đề,...
- Năng lực đặc thù: Năng lực thẩm mỹ; năng lực ngôn ngữ; năng lực đọc – hiểu tác phẩm thơ trữ tình theo đặc trưng thể loại

3. Về phẩm chất: Biết sống hòa đồng với mọi người, thiên nhiên; biết trân trọng những nỗi buồn trong sáng thể hiện tình cảm gắn bó sâu nặng với cuộc đời.

B. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

PHẦN 1: ĐỌC

Tiết 12,13 - VĂN BẢN 1

NHỚ ĐỒNG

(Tố Hữu)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- HS hiểu được cảm hứng chủ đạo của bài thơ: khát khao tự do, khát khao một sự thay đổi mang tính cách mạng trên quê hương.

2. Về năng lực:

- HS nhận biết và phân tích được đặc điểm cấu tứ cùng hệ thống hình ảnh tổ chức xoay quanh trực cảm xúc “nhớ đồng” của bài thơ.
- HS nhận biết và phân tích được dấu ấn tượng trưng trong bài thơ, chỉ ra được một số đặc điểm của ngôn ngữ văn học thể hiện qua hệ thống ngôn từ của văn bản.

3. Về phẩm chất:

HS biết trân trọng tình cảm gắn bó máu thịt với cảnh sắc, con người và số phận của quê nghèo đang đứng trước ngưỡng cửa những thay đổi lớn lao.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần

2. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học

b. Nội dung:

- GV chiếu video bài hát Giấc mơ trưa (Tùy lựa chọn của GV và xu hướng lớp học: Sôi nổi hoặc Nhẹ nhàng lựa chọn bản Hát hoặc Rap)

- GV gợi dẫn câu hỏi: Theo trải nghiệm của em, nỗi nhớ về quê hương, kỉ niệm sẽ bắt đầu hình ảnh nào?

- HS lắng nghe và suy nghĩ

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV chiếu video bài hát Giấc mơ trưa (Tùy lựa chọn của GV và xu hướng lớp học: Sôi nổi hoặc Nhẹ nhàng lựa chọn bản Hát hoặc Rap) Link 1: https://www.youtube.com/watch?v=2o0cNxO2fWE Link 2: https://www.youtube.com/watch?v=u2Ix73ePWDs GV gợi dẫn câu hỏi: Theo trải nghiệm của em, nỗi nhớ về quê hương, kỉ niệm sẽ bắt đầu hình ảnh nào? B2. Thực hiện nhiệm vụ: Học sinh theo dõi và chia sẻ B3. Báo cáo thảo luận: Chia sẻ của học sinh B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Giáo viên chốt ý và dẫn dắt vào bài học.	GV linh hoạt sử dụng câu trả lời của HS => Dẫn dắt vào bài học

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1. TÌM HIỂU TRI THỨC NGŨ VĂN

a. Mục tiêu:

Học sinh đánh giá được giá trị thẩm mỹ của một số yếu tố trong thơ như ngôn từ, câu tứ, hình thức bài thơ thể hiện trong văn bản; nhận biết và phân tích được vai trò của yếu tố tượng trưng trong thơ.

b. Nội dung:

- Học sinh đọc phần “Tri thức ngữ văn” trong SGK và kết hợp đọc tài liệu bổ trợ giáo viên đưa.

- Học sinh thực hành cá nhân – thảo luận nhóm để tìm hiểu phần tri thức ngữ văn

c. Sản phẩm: Phiếu học tập ghi nhận tri thức ngữ văn

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
------------------------	------------------

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập

- GV phát phiếu học tập cho HS để tìm hiểu về “Cấu tứ” và “Tứ” trong thơ trữ tình, yếu tố tượng trưng trong thơ.

PHIẾU HỌC TẬP	
CẤU TỨ VÀ HÌNH ẢNH TRONG THƠ TRỮ TÌNH	
Cách hiểu của em về cấu tứ. Diễn giải bằng một ví dụ	Mối quan hệ giữa cấu tứ và tứ thơ là gì? Diễn giải bằng một ví dụ
Cách hiểu của em về yếu tố tượng trưng.	
Để lý giải và hiểu một yếu tố tượng trưng trong tác phẩm thơ, cần lưu ý những điều gì?	

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh suy nghĩ và thực hiện

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

Học sinh chia sẻ

Bước 4. Kết luận, nhận định

Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản

1. Cấu tứ trong thơ

- Cấu tứ là một khâu then chốt, mang tính chất khởi đầu của hoạt động sáng tạo nghệ thuật nói chung và sáng tạo thơ nói riêng. Trong lĩnh vực thơ, cấu tứ gắn liền với việc xác định, hình dung hướng phát triển của hình tượng thơ, cách triển khai bài thơ, sao cho toàn bộ nhận thức, cảm xúc, cảm giác của nhà thơ về một vấn đề, đối tượng, sự việc nào đó có thể được bộc lộ chân thực, tự nhiên, sinh động và trọn vẹn nhất.

- Sản phẩm của hoạt động cấu tứ trong thơ là tứ thơ (thường được gọi đơn giản là tứ). Tứ đưa bài thơ thoát khỏi sơ đồ ý khô khan, trừu tượng để hiện diện như một cơ thể sống. Nhờ có tứ, tổ chức của bài thơ trở nên chặt chẽ, mọi yếu tố cấu tạo đều liên hệ mật thiết với nhau và đều hướng về một ý tưởng – hình ảnh trung tâm.

- Mỗi bài thơ thường có một cách cấu tứ và một cái tứ riêng. Chú ý tìm hiểu vấn đề này là điều có ý nghĩa quan trọng trong việc đọc hiểu thơ, nhìn ra những phát hiện độc đáo của nhà thơ về con người, cuộc sống và đánh giá đúng phẩm chất nghệ thuật của bài thơ.

- Vì mỗi liên hệ nhân quả tất yếu giữa cấu tứ và tứ mà trong nhiều trường hợp, người ta đã đồng nhất hai khái niệm này. Lúc đó, có thể xem "tìm hiểu cấu tứ của bài thơ" và "tìm hiểu tứ thơ của bài thơ" là hai hình thức diễn đạt khác nhau về cùng một ý (nội dung).

- Những kiểu cấu tứ quen thuộc trong thơ:

+ Cấu tứ dựa trên mô hình cấu trúc phổ quát của bài thơ: Cấu tứ dựa trên việc xây dựng, tạo lập các hình tượng trong thơ. Cách tổ chức tác phẩm dựa trên việc xây dựng và tổ chức hình tượng có sức khái quát cao luôn là khao khát và thách thức lớn đối với mỗi nhà thơ; Cấu tứ dựa trên việc tổ chức sắp xếp các nguồn cảm xúc sao cho chúng được bùng nổ, biểu hiện một cách tự nhiên nhất, cho thấy được trạng thái tâm hồn của nhà thơ; Cấu tứ dựa trên việc tạo lập và tổ chức bố cục của bài thơ trữ tình. Bố cục của một văn bản thơ hoàn chỉnh bao gồm có nhan đề, các câu thơ, khổ thơ tạo thành các đoạn thơ, các đoạn thơ đó hợp lại tạo thành một tác phẩm thơ trọn vẹn

+ Cấu tứ dựa trên đặc trưng cấu trúc của thể thơ và đặc trưng của một số biện pháp nghệ thuật trong thơ: Cấu tứ dựa trên sự tôn trọng đặc trưng của các thể thơ: Thơ lục bát, thơ Đường luật, Thơ tự do, Thơ văn xuôi, ...

2. Yếu tố tượng trưng trong thơ

- Trong lĩnh vực sáng tác văn học – nghệ thuật nói chung, sáng tác thơ ca nói riêng, thuật ngữ tượng trưng trước hết được dùng để chỉ một loại hình ảnh, hình tượng mang tính đặc thù. Ở đó, người nghệ sĩ thường sử dụng các hình ảnh, sự vật có thể tri giác được hay các câu chuyện cụ thể để diễn tả hoặc gợi lên cảm nhận

	sâu xa về những vấn đề có ý nghĩa bao trùm và mang tính bản chất. Thuật ngữ này thường xuất hiện trong các kết hợp từ: hình ảnh, hình tượng tượng trưng; yếu tố tượng trưng; tính chất tượng trưng; chủ nghĩa tượng trưng... - Trước một hình ảnh, hình tượng chứa đựng nhiều tầng nghĩa và gợi lên những cảm nhận đa chiều, người ta có căn cứ để nói đến sự hiện diện của yếu tố tượng trưng. Yếu tố tượng trưng đóng vai trò quan trọng trong việc tạo nên tính chất tượng trưng của bài thơ. - Mọi hình ảnh, hình tượng thơ, xét từ bản chất, đã có tính chất tượng trưng. Nhưng với những sáng tác thuộc trường phái thơ tượng trưng hoặc thuộc loại hình thơ tượng trưng, tính chất này đã đạt một chất lượng mới. Điều này liên quan đến sự ý thức sâu sắc của nhà thơ về các mối tương giao bí ẩn trong đời sống, nổi bật là tương giao giữa con người với tạo vật, vũ trụ. - Ở bài thơ có yếu tố tượng trưng, các tác giả thường chú ý làm nổi bật tính biểu tượng của các hình ảnh, chi tiết, sự việc... bằng những cách thức khác nhau. - Bên cạnh đó, việc phối hợp các âm tiết, thanh điệu, nhịp điệu nhằm khơi dậy những cảm giác bất định, mơ hồ cũng rất được quan tâm. Với một số nhà thơ tượng trưng, trong số nhiều thủ pháp nghệ thuật được sử dụng không thể không nói đến việc hoà trộn cảm nhận của các giác quan, việc diễn tả chi tiết những sắc thái chuyển động tinh vi của sự vật, hiện tượng,...
--	--

Nội dung 2: ĐỌC VĂN BẢN 1 – NHỚ ĐỒNG (Tổ Hữu)

2.1. Tìm hiểu khái quát

a. Mục tiêu:

Học sinh vận dụng tri thức ngữ văn để:

- Học sinh hiểu được cảm hứng chủ đạo của bài thơ: khát khao tự do, khát khao một sự thay đổi mang tính cách mạng trên quê hương.
- Học sinh nhận biết và phân tích được đặc điểm cấu tứ cùng hệ thống hình ảnh tổ chức xoay quanh trục cảm xúc “nhớ đồng” của bài thơ.
- Học sinh nhận biết và phân tích được dấu ấn tượng trưng trong bài thơ, chỉ ra được một số đặc điểm của ngôn ngữ văn học thể hiện qua hệ thống ngôn từ của văn bản.

b. Nội dung:

GV triển khai tìm hiểu văn bản qua các hình thức: phát vấn, thực hiện phiếu học tập, thảo luận nhóm, phát vấn cá nhân.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS thể hiện kiến thức về tác giả, tác phẩm.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Đọc văn bản và suy ngẫm, GV phát vấn + Nêu những nét chính về tiểu sử và phong cách sáng tác của Tố Hữu? + Hoàn cảnh sáng tác của văn bản có gì đặc biệt?	I. Tìm hiểu chung 1. Tác giả - Tố Hữu (1920 – 2002) tên khai sinh là Nguyễn Kim Thành, quê gốc ở làng Phù Lai, nay thuộc xã Quảng Thọ, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế

+ Bố cục bài thơ có thể chia như thế nào? Nội dung của mỗi đoạn là gì? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc kĩ văn bản: lưu ý cách ngắt giọng, ngừng giọng phù hợp, biết nhấn giọng khi gặp điệp ngữ, biết thay đổi ngữ điệu khi gặp các kiểu câu khác nhau; Chú ý thể chỉ dẫn - HS suy ngẫm các câu hỏi - Dựa vào gợi ý của GV – HS trả lời câu hỏi và thảo luận Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản	- Ông từng được tôn vinh là “lá cờ đầu” của nền thơ cách mạng Việt Nam nửa sau thế kỉ XX. - Thơ Tố Hữu là tiếng nói trữ tình nhiệt huyết về những vấn đề lớn của đất nước và cách mạng, mang đậm tính sử thi, tràn đầy niềm tin ở tương lai, tất cả được thể hiện bằng một hình thức thơ giàu tính dân tộc, gần gũi với đại chúng. - Các chặng đường sáng tác của Tố Hữu được đánh dấu bằng 7 tập thơ chính, gắn với quá trình phát triển của cách mạng Việt Nam nửa sau thế kỉ XX: Thơ (1946, từ lần in thứ hai trở đi vào năm 1959, tập thơ mang nhan đề mới là Từ ấy), Việt Bắc (1954), Gió lộng (1961), Ra trận (1972), Máu và hoa (1977) Một tiếng đờn (1992), Ta với ta (2000) 2. Tác phẩm a. Hoàn cảnh sáng tác Nhớ đồng được viết trong thời gian tác giả bị thực dân Pháp bắt giam ở nhà lao Thừa Phủ (thuộc tỉnh Thừa Thiên Huế). Sau ngày Cách mạng tháng Tám thành công, bài thơ được đưa vào tập Thơ (tức Từ ấy). Cũng như nhiều bài thơ khác được tác giả sáng tác trong hoàn cảnh tù đày. Nhớ đồng thể hiện rõ tâm sự của một người thanh niên yêu nước giàu nhiệt huyết, khao khát tự do, nôn nóng muốn trở về sát cánh với đồng chí, đồng bào lúc phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc đang phát triển mạnh mẽ. b. Bố cục + Đoạn 1 (8 khổ đầu): Nỗi nhớ thế giới bên ngoài với những cảnh, những con người đặc trưng cho quê nghèo muôn thuở. + Đoạn 2 (5 khổ còn lại): Nỗi nhớ bước đường hoạt động cách mạng vừa qua và niềm khao khát tự do.
---	---

2.2. Khám phá văn bản

a. Mục tiêu:

- HS biết cách đọc văn bản thơ trữ tình hiện đại, nắm được một số đặc điểm riêng của thể tự do (cấu tứ, ngôn ngữ, hình ảnh, nhịp điệu...)
- HS nhận biết và phân tích được vẻ đẹp tâm hồn của tác giả - người thanh niên trí thức yêu nước thời bấy giờ.
- HS nhận biết và phân tích dòng hồi tưởng khi bị tù giam của tác giả với cuộc sống bên ngoài. Thông qua đó hiểu được tâm trạng, sự nhiệt huyết của tuổi trẻ khi giác ngộ được chân lí của thời đại.
- HS hiểu được những nét nghệ thuật cơ bản của bài thơ được tác giả sử dụng.

b. Nội dung hoạt động

- HS thực hiện theo yêu cầu của GV.
- HS làm việc cá nhân kết hợp hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.
- GV hướng dẫn HS thực hiện và trình bày.

c. Sản phẩm

- Kết quả làm việc của HS (phiếu học tập, câu trả lời...)

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu cấu tứ bài thơ Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV yêu cầu HS đọc văn bản, chia nhóm và thực hiện nhiệm vụ tìm hiểu theo các câu hỏi gợi dẫn từng vấn đề Vấn đề 1. Nhan đề - Em hãy liệt kê những khía cạnh phong phú của nội dung cảm xúc được thể hiện trong bài. - Theo em, nhan đề Nhớ đồng đã bao quát được toàn bộ nội dung cảm xúc ấy chưa? Vì sao? - Em hiểu thế nào về ý nghĩa của từ “đồng” trong nhan đề. Vấn đề 2. Quy luật phân bố khổ thơ và sắp xếp hình ảnh thơ a. Quy luật phân bố khổ thơ - Em có nhận xét gì về đặc điểm hình thức và nội dung của các khổ 1,4,7,13 trong văn bản. - Các khổ thơ này phân bố theo quy luật nào? - Các khổ thơ đó đã góp phần làm nổi bật mạch cảm xúc của nhân vật trữ tình như thế nào? - Nếu không có các khổ ấy cấu trúc của tác phẩm sẽ bị ảnh hưởng như thế nào? b. Quy luật sắp xếp hình ảnh - Khái quát tính chất các cụm hình ảnh trong từng khổ thơ và nội dung được biểu hiện trong từng khổ. - Ấn tượng của em về các cụm hình ảnh có đồng nhất không? Điều gì được lặp lại và điều gì được biến đổi trong các cụm hình ảnh ấy? - Em hiểu và đánh giá như thế nào về cách tác giả đan cài, phối hợp, sắp xếp các cụm hình ảnh.	II. Khám phá văn bản 1. Cấu tứ bài thơ a. Nhan đề - Những khía cạnh phong phú của nội dung cảm xúc + Nhớ sắc màu, hương vị, cảnh quan đơn sơ mà quyến rũ của làng quê (khổ 2). + Nhớ nhịp sống tri động, “không đổi” qua bao năm tháng của làng quê (khổ 3). + Nhớ những con người cần cù lao động và luôn nuôi hi vọng trên những “luống cày” (khổ 5). + Nhớ nỗi buồn cố hữu toả ra từ không gian làng quê (khổ 6). + Nhớ những người quê “thiệt thà” “chất phác” và những “dáng hình” ruột thịt (khổ 8, 9). + Nhớ những ngày đi ra từ làng quê, bắt đầu dần thân vào con đường Cách mạng và vui say với lí tưởng (khổ 10, 11). + Nhớ tất cả những gì thuộc về cuộc sống tự do bên ngoài nhà tù (khổ 12). - Qua tất cả những gì nêu ở trên, có thể thấy toàn bộ cảm xúc của bài thơ đều hướng về nỗi nhớ “ruộng đồng quê” (cụm từ này được nhấn mạnh trong hai khổ thơ có nội dung và hình thức hoàn toàn giống nhau là khổ 4 và khổ 13). Như vậy, Nhớ đồng là một nhan đề hoàn toàn phù hợp với nội dung tác phẩm. Có thể xem đây là từ khoá chi phối việc tổ chức văn bản của nhà thơ. - Từ “đồng” trước hết chỉ một không gian cụ thể, là cánh đồng, “bãi đồng, nơi có những “ô mạ xanh mơn mơn, nơi xuất hiện hình ảnh người nông dân “Vãi giống tung trời những sớm mai”. Nhưng từ “đồng” còn mang nghĩa khái quát, chỉ chung làng quê với sự thống nhất giữa cảnh và người. Hơn nữa, trong suy nghĩ và cảm xúc của nhân vật trữ tình, “đồng” chính là điểm tựa tinh thần, là toàn bộ cuộc sống bên ngoài nhà tù mà anh luôn hướng về. Như vậy, trong ngữ cảnh của bài thơ, từ “đồng” quen thuộc đã được cấp thêm những nét nghĩa mới. b. Quy luật phân bố khổ thơ và sắp xếp hình ảnh thơ *Quy luật phân bố khổ thơ - Quy luật chung: Các khổ 1, 4, 7, 13 đều chỉ có hai câu, trong đó khổ 7 lặp lại hoàn toàn khổ 1; khổ 13

Vấn đề 3. Tính liên kết trong bài thơ

1. Từ “đâu” hiện diện ở những vị trí nào trong các câu thơ?
2. Vị trí này cho biết điều gì về ý nghĩa của nó?
3. Từ “đâu” đưa lại ấn tượng gì về nhịp điệu bài thơ?

Vấn đề 4. Hình thức thể hiện của bài thơ

Phân tích tác dụng nghệ thuật của việc sử dụng luân phiên câu hỏi, câu kể và câu cảm trong văn bản

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

- HS đọc kĩ văn bản
- HS suy ngẫm và thảo luận

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

Học sinh chia sẻ

Bước 4. Kết luận, nhận định

Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản

lặp lại hoàn toàn khổ 4. So sánh các khổ 1, 7 với các khổ 4, 13, thấy chỉ có khác biệt ở từ cuối cùng của câu đầu: một bên là “thương nhớ và một bên là “hiu quạnh” (tuy nhiên, ở khổ 4 và 13, từ thương nhớ lại xuất hiện ở câu thứ hai). Tất cả các khổ đều thể hiện nỗi nhớ đồng từ không gian lao tù, vào thời điểm buổi trưa. Rõ ràng, các khổ 1, 4, 7, 13 đã đóng vai trò bản lề để kết nối hai không gian (bên trong – bên ngoài) và hai thời gian (hiện tại – quá khứ).

- Tác dụng của kết cấu: Bốn khổ thơ hai câu đảm nhiệm chức năng đánh dấu các giai đoạn phát triển của cảm xúc trong bài thơ. Mỗi khi những hình ảnh thân thương của đồng quê, của ngày qua được gọi lên, nhân vật trữ tình không nén nỗi cảm xúc, phải bật thốt tiếng kêu tự đáy lòng, và sau tiếng kêu ấy, cảm xúc chùng lắng xuống để loạt hình ảnh từ quá khứ hiện ra, tiếp nối, dồn tụ, đợt phát triển đến đỉnh cao lần nữa. Tất cả như những đợt sóng gối nhau tạo thành một dòng chảy liên tục nhưng có biến đổi lên xuống nhịp nhàng. Cần lưu ý là câu sau của khổ 1 và khổ 7 kết thúc bằng âm tiết mang thanh điệu được phát âm ở âm vực thấp (“hờ”), còn câu sau của khổ 4 và khổ 13 kết thúc bằng âm tiết mang thanh điệu được phát âm ở âm vực cao (“ơi”). Sự luân phiên này không chỉ phản ánh chân thực các cung bậc cảm xúc của nhân vật trữ tình mà còn tạo cho bài thơ một nhạc tính hấp dẫn.

* Quy luật sắp xếp hình ảnh

- Tính chất của các cụm hình ảnh trong từng khổ thơ và nêu nhận xét về nội dung được biểu hiện:

+ Khổ 2: “gió còn thơm”, “ruộng tre mát”, “ô mạ xanh mơn mớn”, “nương khoai ngọt sắn bùi” → phong vị đồng quê đầy thân thương khuấy động nỗi nhớ.

+ Khổ 3: “đường con bước vạ đời”, “xóm nhà tranh thấp ngủ im hơi” → cuộc sống “âm u gợi nỗi cảm thương, day dứt.

+ Khổ 5: “lưng cong xuống luống cày”, bàn tay “vãi giống tung trời những sớm mai” → hoạt động của những người cần lao gieo niềm hi vọng vào một ngày mới.

+ Khổ 6: “chiều sương phủ bãi đồng” “lúa mềm xao xác ở ven sông” “tiếng xe lừa nước “giọng hò đưa hò nào nùng” — không khí ảm đạm của đồng quê gợi nỗi niềm “xao xác”.

+ Khổ 9: “những hồn thân tự thuở xưa”, “những hồn chất phác hiền như đất” — sự hồn hậu của những người lao động nghèo khổ khơi dậy bao tình cảm ảm áp.

	+ Khổ 11: “Tôi” “nhẹ nhàng như con chim cà lơi”, “say đồng hương nắng vui ca hát” → những ngày hoạt động trước đây (kiếm tìm lẽ sống và bắt gặp lí tưởng) làm dấy lên niềm khao khát cuộc đời tự do. - Mỗi cụm hình ảnh gợi lên ở người đọc một ấn tượng riêng, có ngây ngất hân hoan, có u sầu trĩu nặng, tất cả đan bện vào nhau, tạo nên một trạng thái cảm xúc, tinh thần đặc biệt, cho thấy sự phức hợp của nỗi nhớ và đời sống nội tâm phong phú của nhân vật trữ tình. Nói chung, bài thơ đã thể hiện được nỗi “nhớ đồng” của nhân vật trữ tình một cách chân thực, sống động, có thể gợi lên được mỗi đồng cảm sâu xa ở độc giả. c. Tính liên kết trong bài thơ - Từ “đâu” xuất hiện 10 lần trong bài thơ, thể hiện hoạt động ráo riết của kí ức nhằm làm sống dậy quá khứ, làm hiện hiện cả một không gian thân quen giờ đây đã trở thành cõi tách biệt. - Từ “đâu” được đặt ở vị trí đầu tiên của các câu thơ, đóng vai trò thúc giục, khuấy động tâm trí của nhân vật trữ tình. Lần nào xuất hiện, từ này cũng kéo theo một loạt hình ảnh mới. Bên cạnh đó, từ “đâu” còn góp phần tạo cho bài thơ một nhịp điệu đầy biến hoá, khi hối thúc, gấp gáp, khi chậm rãi, lắng sâu, thể hiện được đặc điểm tâm tư đầy xáo động của người tù trẻ tuổi đang khao khát tự do, khao khát hoạt động. + Từ “đâu” góp phần quan trọng tạo nên mạch lạc và liên kết của văn bản, khiến cho việc bộc lộ cảm xúc của nhân vật trữ tình trở nên thuận lợi, đảm bảo cho bài thơ vừa có được sự phong phú của các loại hình ảnh, lại vừa có được sự chặt chẽ, phân minh về cấu trúc, phù hợp với sự tiến triển theo đúng quy luật tâm lí của mạch cảm xúc. - Với ý nghĩa đó, từ “đâu” rõ ràng đóng vai trò then chốt trong việc làm nổi rõ cấu tứ độc đáo của bài thơ. d. Hình thức biểu hiện của bài thơ - Tổ chức nhịp điệu phong phú của bài thơ (ngắt nhịp, điệp ngữ, phân bố số câu khác nhau trong các khổ, dùng nhiều kiểu câu,...). - Cần lưu ý 1. Do cách tổ chức đặc thù của văn bản thơ không phải câu thơ nào cũng được kết thúc bằng một dấu chấm câu như trong các văn bản thuộc loại sáng tác khác; 2. Trong thơ hiện đại, có sự phân biệt giữa câu ngữ pháp và câu thơ theo âm luật. Có khi một câu ngữ pháp kéo dài chiếm trọn một khổ thơ (như các khổ 9, 10, 11). - Gắn với yêu cầu biểu hiện thế giới chủ quan của nhân vật trữ tình, việc sử dụng luân phiên các kiểu câu trong văn bản cho thấy cảm xúc là một hiện tượng phức tạp, ít khi tồn tại ở dạng đơn nhất mà
--	---

	thường bao gồm nhiều sắc thái khác nhau. Gắn với yêu cầu tác động vào người đọc, việc sử dụng luân phiên các kiểu câu giúp bài thơ thoát khỏi sự đơn điệu của cách diễn tả để luôn kích thích cảm giác và suy ngẫm, biến việc đọc bài thơ thành một quá trình đối thoại và tự đối thoại không dứt.
Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu dấu ấn tượng trưng trong bài thơ Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Đọc văn bản và suy ngẫm, GV phát vấn + Theo em hình ảnh nào trong bài thơ mang tính tượng trưng rõ nét hơn cả. Hãy làm rõ tính tượng trưng ở hình ảnh đó Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc kĩ văn bản - HS suy ngẫm các câu hỏi và trả lời Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản	2. Dấu ấn tượng trưng trong bài thơ - Hình ảnh “đường con bước vạn đời” và “xóm nhà tranh thấp ngủ im hơi”: Hai hình ảnh này bổ sung cho nhau tạo nên một hình tượng khái quát, không chỉ thể hiện con đường, mái nhà cụ thể mà còn ngụ ý về cuộc sống quần quanh, tù túng, đơn điệu, nhạt nhòa, cần thay đổi. Xét rộng ra trong nghệ thuật của Việt Nam và thế giới, hàm nghĩa triết lí gắn với hình tượng này đã được rất nhiều tác giả (nhất là các tác giả của chủ nghĩa lãng mạn) chú ý khai thác. - Hình ảnh “lưng cong xuống luống cày”, bàn tay “vải giống tung trời những sớm mai”: Hai hình ảnh này phối hợp với nhau để tạo nên một hình tượng lớn về vẻ đẹp của lao động và về sự mạnh mẽ, lạc quan của tầng lớp cần lao. Khi xây dựng hình tượng này, Tố Hữu chịu ảnh hưởng sâu sắc từ bài thơ Mùa gieo hạt, buổi chiều (Saison des semailles, le soir) của nhà thơ Pháp Vich-to Huy-gô (Victor Hugo). Đây cũng là hình tượng mang ý nghĩa khái quát triết lí, từng được thể hiện trong nhiều bức tranh của danh họa Pháp Giăng-Phrăng-xoa Min-lê (Jean-François Millet) cũng như trong sáng tác của một số họa sĩ nổi tiếng khác.

2.3 Tổng kết

a. Mục tiêu: HS hiểu nội dung, tư tưởng và đặc sắc nghệ thuật của bài thơ

b. Nội dung: HS nghiên cứu SGK, sử dụng kiến thức đã học để nêu cảm nhận, suy nghĩ về nội dung và nghệ thuật của toàn bài thơ.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Đọc văn bản và suy ngẫm, GV phát vấn + Bài thơ cho thấy điều gì về tâm trạng, phẩm chất, lí tưởng của nhân vật trữ tình. Nêu cảm nhận của em về những cảm xúc, tâm tình được tác giả bộc lộ trong bài thơ + Đánh giá khái quát về đặc sắc nghệ thuật của văn bản? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc kĩ văn bản - HS suy ngẫm các câu hỏi và trả lời Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ	III. Tổng kết 1. Nội dung - Tâm trạng của nhân vật trữ tình: nhớ đồng còn cào do tác động ban đầu của một tiếng hò văng lên trong không gian tù ngục hiu quạnh lúc buổi trưa. - Phẩm chất của nhân vật trữ tình: chân thành, trung hậu, có tình cảm gắn bó sâu nặng với gia đình, quê hương, đặc biệt với những người lao khổ. - Lí tưởng của nhân vật trữ tình: mong thay đổi cuộc sống mỗi mòn, tù đọng;

Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản	luôn hướng về Cách mạng với niềm tin lớn. 2. Nghệ thuật - Sử dụng thành công biện pháp tu từ điệp ngữ, điệp cấu trúc, sử dụng đa dạng các kiểu câu. - Giọng thơ da diết, khắc khoải, sâu lắng - Hình ảnh thơ giản dị, mộc mạc, đời thường.
---	---

PHIẾU HỌC TẬP

PHIẾU THẢO LUẬN NHÓM – NHAN ĐỀ		PHIẾU THẢO LUẬN NHÓM – QUY LUẬT PHÂN BỐ KHỔ THƠ	
1. Em hãy liệt kê những khía cạnh phong		1. Em có nhận xét gì về đặc điểm	
PHIẾU THẢO LUẬN NHÓM – QUY LUẬT SẮP XẾP HÌNH ẢNH THƠ		PHIẾU THẢO LUẬN NHÓM – TÍNH LIÊN KẾT TRONG BÀI THƠ	
1. Khái quát tính chất các cụm hình ảnh trong từng khổ thơ và nội dung được biểu hiện trong từng khổ	PHIẾU THẢO LUẬN NHÓM: HÌNH THỨC THỂ HIỆN CỦA BÀI THƠ Phân tích tác dụng nghệ thuật của việc tổ chức nhịp điệu, sử dụng luân phiên câu hỏi, câu kể và câu cảm trong văn bản	hiện diện vị trí nào trong thơ?	
2. Ấn tượng của em về các cụm hình ảnh có đồng nhất không? Điều gì được lặp lại và điều gì được biến đổi trong các cụm hình ảnh đây?		y cho biết nghĩa của	
3. Em hiểu và đánh giá như thế nào về cách tác giả đan cài, phối hợp, sắp xếp các cụm hình ảnh.		đưa lại ấn tượng nhịp điệu	

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu:

Dựa vào nội dung tìm hiểu về bài cáo, HS viết kết nối với đọc

b. Nội dung:

Học sinh thực hành viết kết nối với đọc theo đề bài

c. Sản phẩm:

Đoạn văn của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao nhiệm vụ Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) làm sáng tỏ mối liên hệ giữa các chi tiết, hình ảnh đã làm nên thể	Bài làm tham khảo Nhà thơ Tố Hữu được đông đảo bạn đọc yêu mến văn chương biết đến là một con người có đường thơ và đường cách mạng song hành với nhau. Thơ ông mang đậm phong cách trữ tình chính trị. Thơ gắn liền với dòng lí tưởng cách mạng, những ngày đầu giác ngộ cho đến khi hiện thực cách mạng trải qua đều in dấu trong thơ ông. Trong tập thơ đầu tay Từ ấy, ông đã viết lại những dòng thi sử để diễn tả tâm trạng, cảm xúc của

giới cảm xúc “nhớ đồng” trong bài thơ. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hiện bài làm Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày phần bài làm của mình Bước 4. Kết luận, nhận định GV chốt ý theo bài làm của HS	mình. Trong khi bị giam cầm tác giả đã từng viết “Tâm tư trong tù” nhưng ấn tượng nhất vẫn là bộc lộ cảm xúc “Nhớ đồng” của mình bằng hệ thống các hình ảnh rất gần gũi và thân quen. Các hình ảnh ấy có mối liên hệ chặt chẽ với nhau, cùng nhau làm nổi bật tâm trạng của người tù cách mạng, hình ảnh đồng quê hiện lên rất đậm nét qua nỗi nhớ của tác giả. Trong hồi tưởng về cảnh quá khứ hay trong hiện tại thì những cảnh sắc như đồng ruộng với những cò non thong thả, ô mạ xanh mơn mơn, nương khoai sắn ngọt bùi; xóm nhà chìm lặng, con đường mòn mới theo năm tháng đều hiện lên. Tất cả đều là những cảnh sắc đơn sơ quen thuộc mà rất đổi thân thương, từ nỗi nhớ đồng quê, nhà thơ nhớ về những người nông dân cần lao và nhớ về người mẹ hiền hậu của mình. Những nỗi nhớ và thực tại tù hãm đã thôi thúc tâm trí nhà thơ nhớ về những ngày tháng gian nan đi tìm chân lí cuộc đời và sự hạnh phúc đến vô cùng khi ông được giác ngộ lí tưởng cách mạng. Cả bài thơ thấm đượm nỗi nhớ thương da diết, khôn nguôi; khiến độc giả thêm cảm phục hình ảnh người chiến sĩ cách mạng - nhà thơ Tố Hữu.
---	---

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Học sinh biết trân trọng tình cảm gắn bó máu thịt với cảnh sắc, con người và số phận của quê nghèo đang đứng trước ngưỡng cửa những thay đổi lớn lao

b. Nội dung:

GV đưa vấn đề: Dù trong chiến tranh gian khổ, Tố Hữu vẫn đưa vào trong bài thơ của mình những hình ảnh tuyệt đẹp về quê hương cần lao nhưng tràn đầy sức sống. Trước những thách thức của xã hội và thời đại, theo em số phận con người và những làng quê nghèo sẽ ra sao? Có giải pháp nào cho những thay đổi đó không? Em hãy thảo luận và chia sẻ

c. Sản phẩm: Chia sẻ của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập

GV đưa vấn đề: Dù trong chiến tranh gian khổ, Tố Hữu vẫn đưa vào trong bài thơ của mình những hình ảnh tuyệt đẹp về quê hương cần lao nhưng tràn đầy sức sống. Trước những thách thức của xã hội và thời đại, theo em số phận con người và những làng quê nghèo sẽ ra sao? Có giải pháp nào cho những thay đổi đó không? Em hãy thảo luận và chia sẻ.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh suy nghĩ và trả lời

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

Học sinh trình bày phần bài làm của mình

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo

4. Củng cố: Khắc sâu thêm nội dung, nghệ thuật đặc sắc của bài thơ

5. HDVN:

- **Bài cũ:** Học và hoàn thiện các nhiệm vụ đã giao trên lớp

- **Bài mới:** Tìm hiểu bài thơ “Tràng giang”- Huy Cận

+ GV yêu cầu HS: Đọc Tiểu dẫn SGK tìm hiểu tác giả - tác phẩm.

+ Trả lời các câu hỏi trang 60/SGK

TRÀNG GIANG
(Huy Cận)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- HS nhận biết được cấu tứ độc đáo của bài thơ gắn với việc xây dựng hai hệ thống hình ảnh chuyển hóa luân phiên từ gần đến xa, từ cụ thể đến trừu tượng, từ gợi cảm xúc trần thế đến cảm xúc vũ trụ.
- HS cảm nhận được vẻ đẹp riêng của một bài thơ có yếu tố tượng trưng, chỉ ra và phân tích được sự hiện diện của các yếu tố ấy trong bài *Tràng giang*.
- Vẻ đẹp cổ điển trong một bài thơ mới.

2. Về năng lực:

- HS phân tích được những đặc điểm của ngôn ngữ văn học thể hiện qua cách dùng từ ngữ và xây dựng hình ảnh trong bài thơ *Tràng giang*.

3. Về phẩm chất:

- HS đồng cảm được với tâm trạng, cảm xúc, suy nghiệm của nhà thơ về cuộc đời. Tình - yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học:

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;
- Máy chiếu

2. Học liệu

- SGK, SBT Ngữ văn 10, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.
- Các bức tranh ảnh, video clip có liên quan đến phần giới thiệu về tác giả và tác phẩm.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

Lớp	Tiết	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình từ đó HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học *Tràng giang*
- HS huy động được tri thức, kinh nghiệm về thơ và thể thơ, cấu tứ, và phong trào thơ Mới đã học vào nội dung bài học.

b. Nội dung: Trả lời câu hỏi theo hình thức trả lời nhanh

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến văn bản *Tràng giang*

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV VÀ HS	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu học sinh trả lời nhanh các câu hỏi trên màn hình tivi	Câu trả lời: Câu 1: Phong trào Thơ mới Câu 2: Thơ Đường

Câu 1: Đây là phong trào Thơ ca ra đời vào những năm 1932 – 1945, đánh dấu sự phát triển của thơ ca Việt Nam, phá tan sự kìm kẹp của thơ cũ với những định luật nghiêm khắc, giải phóng cái tôi nhân bản của các nhà thơ, và đưa thơ nước nhà vào giai đoạn sôi nổi nhất, rạo rực nhất. Một thời kì mà hàng loạt các bông hoa đua nở, toàn vẹn về cả tài năng lẫn đạo đức? Câu 2: Câu 2: Đỗ Phủ, Lí Bạch, Bạch Cư Dị, Vương Bột... là những nhà thơ tiêu biểu của Thơ.....? Câu 3: Tác giả của bài thơ “Đoàn thuyền đánh cá?” Câu 4: Đây là khái niệm để chỉ một khâu then chốt mang tính chất khởi đầu của hoạt động sáng tạo thơ ca, gắn liền với việc xác định hình dung hướng phát triển của hình tượng thơ, cách triển khai bài thơ sao cho toàn bộ nhận thức, cảm xúc, cảm giác của nhà thơ về một vấn đề, một đối tượng...được bộc lộ một cách tự nhiên, sinh động, tròn vẹn nhất? B2. Thực hiện nhiệm vụ: - GV đặt câu hỏi - HS trả lời câu hỏi của GV theo cá nhân, câu trả lời đúng nhất sẽ được cộng điểm. B3. Báo cáo thảo luận: - HS trả lời và GV nhận xét B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV nhận xét, bổ sung và dẫn dắt vào bài	Câu 3: Huy Cận Câu 4: Cấu tứ
--	--

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1. Tìm hiểu khái quát

a. Mục tiêu:

- HS có một số hiểu biết tác giả Huy Cận và bài thơ Tràng giang.

b. Nội dung: HS đọc SGK, tóm tắt và tự ghi lại các ý chính về tác giả và trình bày trước lớp.

c. Sản phẩm: Câu trả lời trong vở của HS hoặc theo phiếu học tập GV phát

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV VÀ HS	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc văn bản SGK theo trình tự: Văn bản, tác giả, chú ý các câu hỏi gợi mở trong hộp B2. Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc văn bản SGK, đọc phần Thông tin về tác giả và tác phẩm - HS tự tóm tắt các thông tin chính về tác giả và tác phẩm vào trong vở ghi hoặc trong phiếu học tập. B3. Báo cáo thảo luận - GV mời 1 HS trình bày trước lớp. - Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần tìm hiểu.	I. Tìm hiểu chung 1. Tác giả - Huy Cận (1919 -2005), là một trong những nhà thơ tiêu biểu nhất của phong trào Thơ Mới và có nhiều đóng góp xuất sắc cho thơ ca CM Việt Nam. - Thơ giàu chất suy tưởng, tràn đầy cảm xúc về vũ trụ, luôn thể hiện khát khao hòa điệu với cuộc đời và tạo vật. - Thơ Huy Cận tạo sự cân bằng hiếm có giữa vẻ đẹp cổ điển và vẻ đẹp hiện đại, giữa chất lãng mạn và tượng trưng. 2. Văn bản - In trong tập Lửa thiêng - Cảm hứng được khơi dậy từ những buổi chiều tác giả ngắm cảnh mênh mang của sông Hồng ở vùng Chèm – Vẽ vào mùa thu năm 1939. - Thể loại: thất ngôn trường thiên

B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản.	
--	--

Nội dung 2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu:

- Học sinh nhận biết được thể thơ, cấu tứ và các yếu tố tượng trưng trong thơ; nhận biết được các chi tiết tiêu biểu qua đó nắm được tình cảm của tác giả.
- Kết nối văn bản trải nghiệm với cá nhân; bồi đắp cảm xúc thẩm mỹ, tình yêu quê hương, đất nước của mỗi người.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến văn bản *Tràng giang* theo gợi ý của Giáo viên để đạt được mục tiêu bài học

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến văn bản *Tràng giang*, từ đó khái quát và có kỹ năng phân tích được những đặc điểm của ngôn ngữ văn học thể hiện qua cách dùng từ ngữ và xây dựng hình ảnh trong bài thơ *Tràng giang*.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV VÀ HS	Dự kiến sản phẩm
Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu về nhan đề và lời đề từ B1. Chuyển giao nhiệm vụ HS đọc văn bản, chú ý những thẻ chỉ dẫn trong văn bản. - GV yêu cầu HS dựa vào phiếu học tập và cho biết ý nghĩa nhan đề và lời đề từ của bài thơ. - GV yêu cầu HS trao đổi những từ ngữ khó trong văn bản. B2. Thực hiện nhiệm vụ HS trả lời câu hỏi - HS đọc diễn cảm bài thơ, chú ý sử dụng các thẻ gợi dẫn. - Tìm hiểu nghĩa của các từ khó, ghi lại những từ chưa hiểu; vận dụng các câu hỏi trong khi đọc để hiểu VB. B3. Báo cáo thảo luận HS trả lời câu hỏi, thảo luận. B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV nhận xét câu trả lời của HS và kết luận về nhan đề, lời đề từ: báo hiệu trạng thái tinh thần bao trùm bài thơ vừa trực tiếp khai mở dòng cảm xúc của nhân vật trữ tình trước không gian rộng lớn và trước cuộc đời Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu về hình ảnh dòng tràng giang hữu hình và dòng sông suy tưởng B1. Chuyển giao nhiệm vụ	II. Khám phá văn bản 1. Nhan đề và lời đề từ: a. Nhan đề “Tràng giang” - Âm Hán - Việt thường gặp trong thơ Đường. + Gọi sắc thái trang nhã, cổ kính. + Gọi liên tưởng về con sông lớn dài, rộng. - Điệp âm “ang” liên nhau → âm điệu gọi ra không gian mênh mang, bát ngát của con sông dài, rộng. b. Lời đề từ: “Bâng khuâng trời rộng nhớ sông dài” - Cảm xúc: <i>Bâng khuâng, nhớ</i> là tâm trạng buồn, cô đơn. - Không gian: <i>Trời rộng, sông dài</i> không gian mênh mông, rộng lớn. → Nỗi buồn trước cảnh vũ trụ bao la bát ngát, báo hiệu trạng thái tinh thần bao trùm bài thơ vừa trực tiếp khai mở dòng cảm xúc của nhân vật trữ tình trước không gian rộng lớn và trước cuộc đời. 2. Tràng giang – dòng sông hữu hình, dòng sông suy tưởng - Khung cảnh dòng sông thiên nhiên được miêu tả trong bài thơ: <i>Sóng gợn, tràng</i>

GV yêu cầu HS đọc lại văn bản, hoàn thành các phiếu học tập theo nhóm

B2. Thực hiện nhiệm vụ

HS nhận PHT, hoàn thành PHT theo nhóm (PHT 2,3,4)

B3. Báo cáo thảo luận

- Sau khi hoàn thành PHT, các nhóm trình bày kết quả trước lớp, mỗi nhóm trình bày 3 phút

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

GV nhận xét và đánh giá, củng cố lại bài học

Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu vài nét về nghệ thuật

B1. Chuyển giao nhiệm vụ

GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi sau: (PHT số 5)

- Bài thơ có nhiều hình ảnh tương phản, đối lập, em hãy chỉ ra các hình ảnh đó?
- Liệt kê các từ láy trong bài, các từ láy có tác dụng gì?
- Bài thơ giàu yếu tố tượng trưng, chỉ ra một vài yếu tố tượng trưng trong bài thơ?
- Chỉ ra một số hình ảnh là thi liệu truyền thống xuất hiện trong văn bản?

B2. Thực hiện nhiệm vụ

HS lần lượt trả lời các câu hỏi mà giáo viên yêu cầu

giang, nước song song, thuyền về, nước lại, còn nhỏ, làng xa, nắng xuống, trời lên, sông dài, trời rộng, bến cô liêu, bờ xanh bãi vàng...

→ Cảnh không gian rộng lớn, mênh mông vô tận, nhưng vắng vẻ, cô đơn đến rợn ngợp.

- Tràng giang – **dòng sông của cảm xúc tâm hồn – dòng sông suy tưởng**: *Buồn điệp điệp, sâu trăm ngả, củi một cành khô, lơ thơ, đầu hiu, vãn chợ chiều...*

→ Cảnh gợi buồn, nỗi buồn như nhân lên, vương vãi khắp không gian rộng lớn, bến sông vắng vẻ cô đơn, vạn vật, con người trở nên bé nhỏ, rợn ngợp trước vũ trụ rộng lớn, lạc loài giữa mênh mông đất trời. Đường như không có bóng dáng của cuộc sống con người, chỉ có thiên nhiên buồn vắng, hoang vu.

+ “Lòng quê dờn dợn vời con nước

Không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà”

→ Khẳng định rất rõ không có khói sóng mà vẫn đượm buồn → nỗi nhớ quê hương da diết và luôn thường trực trong lòng nhà thơ.

⇒ Nỗi buồn của Huy Cận là nỗi buồn của một cái tôi cá nhân khát khao hoà nhập với cuộc đời và đó cũng là nỗi buồn của thế hệ thanh niên trí thức trong những năm tháng mất nước, ngột ngạt, bế tắc → Lòng yêu nước thầm kín của nhà thơ.

Nhân xét: Tràng giang được cấu tứ trên nền cảm hứng không gian sóng đôi: Có dòng “tràng giang” thuộc về thiên nhiên trong tư cách một không gian hữu hình và dòng “tràng giang” tâm hồn như một không gian vô hình trong tâm tưởng. Đây vốn là cấu tứ quen thuộc của Đường thi.

3. Vài nét về nghệ thuật:

- Tương phản, đối lập: Vũ trụ thì bao la, vô tận còn con người thì quá nhỏ bé, đơn độc, lẻ loi, thiên nhiên hùng vĩ nhưng lòng người thì buồn vơi vợi bởi nỗi nhớ quê hương.

- Sử dụng hệ thống từ láy gợi âm hưởng cổ kính (10 lần/16 dòng thơ, cách ngắt nhịp truyền thống: 3/4).

- Tạo ra cách kết hợp từ mới: *buồn điệp điệp, nước song song, sâu chót vót, niềm thân mật, sâu trăm ngả*; cú pháp khác lạ: *nắng xuống, trời lên, thuyền về, nước lại...*

- Biện pháp nghệ thuật tượng trưng: *củi một cành khô lạc mấy dòng, bến cô liêu, chim nghiêng cánh nhỏ, bóng chiều sa.*

B3. Báo cáo thảo luận - HS lần lượt trả lời trước lớp các câu hỏi B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV nhận xét và đánh giá, củng cố lại bài học.	- Thơ mới lãng mạn nhưng mang đậm dấu ấn Đường thi → vừa cổ điển vừa hiện đại: + Cổ điển: ▪ Các hình ảnh: <i>sông nước, hoàng hôn, cánh chim, con thuyền...</i> → quen thuộc trong thơ cổ ▪ Hệ thống từ Hán Việt: <i>tràng giang, cô liêu..</i> ▪ “<i>Lớp lớp mây cao đùn núi bạc</i>” – “<i>Tái thượng phong vân tiếp địa âm</i>” (Mặt đất mây đùn cửa ải xa) – Đỗ Phủ ▪ “<i>Không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà</i>” – “<i>Yên ba giang thượng sử nhân sầu</i>” (Trên sông khói sóng cho buồn lòng ai). + Hiện đại: ▪ Từ sáng tạo: <i>sâu chót vót, niềm thân mật, dợn dợn,...</i> ▪ Cách diễn đạt phù hợp với tâm trạng, cảm xúc của nhà thơ ▪ <i>Cảnh củi khô, bèo, bến đò, chợ chiều, cầu...</i>: hình ảnh quen thuộc, thân thiết với người Việt Nam.
---	--

Nội dung 3: Tổng kết

a. Mục tiêu: Học sinh đánh giá được nội dung, nghệ thuật, cấu tứ của bài thơ.

b. Nội dung: GV cho HS phát biểu, đánh giá về bài thơ sau khi học.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV VÀ HS	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS tổng kết nội dung và ý nghĩa của văn B2. Thực hiện nhiệm vụ: - HS suy nghĩ để trả lời câu hỏi. B3. Báo cáo thảo luận: - GV mời một số HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nhận xét, bổ sung. B4. Đánh giá kết quả thực hiện: - GV nhận xét, chốt kiến thức → Viết lên bảng.	III. Tổng kết 1. Nghệ thuật : - Sự kết hợp hài hòa giữa sắc thái cổ điển và hiện đại - Nghệ thuật tương phản, đối - Bút pháp tả cảnh giàu tính tạo hình: <i>Nắng xuốngchót vót</i> - Hệ thống từ láy giàu giá trị biểu cảm. 2 . Nội dung - Tràng giang là nỗi sầu vũ trụ, nhưng chủ yếu vẫn là nỗi buồn thương về cuộc đời, kiếp người, nỗi sầu nhân thế. Đằng sau tâm trạng buồn , cô đơn là niềm khao khát sự sống, khao khát hoà hợp, cảm thông → nỗi nhớ quê của người xa xứ - tâm trạng của một lớp người trong hoàn cảnh bế tắc đương thời.

PHIẾU HỌC TẬP 1

Nhóm..... Lớp.....

Câu hỏi: Bạn cảm nhận gì về nhan đề “Tràng giang”? Nhan đề và lời đề từ có liên quan thế nào đến nội dung cảm xúc bài thơ?

Trả lời:

PHIẾU HỌC TẬP 2

Nhóm..... Lớp.....

Câu hỏi 1: Khung cảnh được vẽ ra trong bài thơ là khung cảnh như thế nào? Liệt kê các từ ngữ “vẽ” khung cảnh ấy?

Trả lời:

PHIẾU HỌC TẬP 3

Nhóm..... Lớp.....

Câu hỏi: Theo em, ngoài khung cảnh dòng sông thiên nhiên, trong bài thơ ẩn sau khung cảnh ấy là tâm trạng như thế nào của con người? Vì sao em nhận xét như vậy?

Trả lời:

PHIẾU HỌC TẬP 4

Nhóm..... Lớp.....

Câu hỏi: Theo em, bài thơ được cấu tứ như thế nào? Dựa vào đâu em xác định như vậy?

Trả lời:

PHIẾU HỌC TẬP 5

Nhóm..... Lớp.....

Câu hỏi: Theo em, trong bài thơ có những cách khác lạ nào trong việc sử dụng ngôn ngữ? Em hãy thử phân tích một ví dụ để làm rõ?

Trả lời:

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu:

- HS rèn luyện kỹ năng viết đoạn văn.
- HS nắm được cấu tứ và một số phương diện nổi bật của bài thơ Tràng giang.

b. Nội dung:

 GV giao nhiệm vụ, học sinh thực hành

c. Sản phẩm:

 Bài viết của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV VÀ HS	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS: <i>Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) bày tỏ sự tâm đắc của bạn về một phương diện nổi bật của bài thơ Tràng giang.</i>	Tràng giang là một bài thơ vừa giàu yếu tố cổ điển, vừa mang tính hiện đại. Mượn những thi liệu quen thuộc trong thơ ca cổ như: sông dài, hoàng hôn, cánh chim, con thuyền..., hệ thống từ Hán Việt: tràng giang, cô liêu... hay lấy cảm hứng từ các câu thơ cổ của thơ Đường như:
B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ học tập, viết đoạn văn theo yêu cầu vào vở	“Lớp lớp mây cao đùn núi bạc từ câu Tái thượng phong vân tiếp địa âm” (Mặt đất mây đùn cửa ải xa) –Đỗ Phủ
B3. Báo cáo thảo luận - GV có thể dành thời gian (khoảng 7-10 phút) cho HS trình bày ý tưởng rồi viết trên lớp hoặc viết ở nhà	“Không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà” từ câu “Yên ba giang thượng sử nhân sầu” (Trên sông khói sóng cho buồn lòng ai). Huy Cận đã khiến cho một bài thơ mới nhưng vẫn mang âm hưởng Đường thi. Bên cạnh đó việc sử dụng hàng loạt các từ ngữ kết hợp khác lạ, độc đáo mang
B4. Đánh giá kết quả thực hiện:	

- GV cho cả lớp nghe một số đoạn văn, yêu cầu cả lớp về nhà hoàn thành nốt đoạn văn (nếu chưa viết xong).	hơi hướng hiện đại như: <i>sâu chót vót, niềm thân mật, dọn dọn, ...</i> hình ảnh quen thuộc, thân thiết với người Việt Nam như: <i>cành củi khô, bèo, bến đò, chợ chiều, cầu...</i> Bài thơ Tràng giang được xem là một thi phẩm vừa giàu yếu tố cổ điển, vừa giàu yếu tố hiện đại. Việc sử dụng các thi liệu truyền thống nằm trong ý đồ cấu tứ và chiến lược tổ chức văn bản của nhà thơ.
---	--

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu:

- HS rèn luyện khả năng phân tích một đoạn thơ

b. Nội dung:

GV giao nhiệm vụ, HS làm vào vở soạn ở nhà.

c. Sản phẩm: Bài làm của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV VÀ HS	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ Đọc đoạn thơ sau và trả lời câu hỏi : <i>Lơ thơ cồn nhỏ gió đìu hiu</i> <i>Đâu tiếng làng xa vãn chợ chiều</i> <i>Nắng xuống, trời lên sâu chót vót</i> <i>Sông dài, trời rộng, bến cô liêu.</i> (Trích Tràng giang, Huy Cận, Tr 59, SGK Ngữ văn 11 – KNTT, Tập 1, NXBGD 2023) 1. Liệt kê các từ láy trong đoạn thơ trên. 2. Nêu hiệu quả của phép đảo ngữ trong câu: “ <i>Lơ thơ cồn nhỏ gió đìu hiu</i> ”. 3. Tại sao nhà thơ không dùng từ <i>cao chót vót</i> mà lại dùng <i>sâu chót vót</i> . 4. Qua đoạn thơ, nhân vật trữ tình bộc lộ tâm trạng gì? B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ học tập. B3. Báo cáo thảo luận - GV có thể dành thời gian (khoảng 2 phút) để hướng dẫn HS B4. Đánh giá kết quả thực hiện:	1. Các từ láy trong đoạn thơ: <i>lơ thơ, đìu hiu, chót vót</i> 2. Hiệu quả của phép đảo ngữ trong câu: “ <i>Lơ thơ cồn nhỏ gió đìu hiu</i> ”: - Nhân mạnh và đặc tả sự vắng vẻ, hiu quạnh của cảnh vật, tô đậm cảm giác trống vắng, cô đơn của con người trước không gian rộng lớn và vắng vẻ. - Tăng sức gợi hình gợi cảm cho câu thơ 3. Nhà thơ không dùng từ <i>cao chót vót</i> mà lại dùng <i>sâu chót vót</i> : vì từ <i>sâu</i> không chỉ diễn tả độ cao mà còn muốn đặc tả chiều cao thăm thẳm, vô cùng. <i>Chót vót</i> khắc họa chiều cao dường như vô tận. Càng rộng, càng sâu, càng cao thì cảnh vật càng thêm vắng lặng. Đó là sự kết hợp từ ngữ độc đáo, mới mẻ, sáng tạo. 4. Qua đoạn thơ, nhân vật trữ tình bộc lộ tâm trạng buồn cô đơn, trống vắng, một niềm khao khát tìm đến cõi nhân thế để giao hoà với con người.

4. củng cố:

5. HDVN:

Phụ lục 1. Rubric đánh giá thảo luận nhóm

TIÊU CHÍ	CẦN CÓ GẮNG (0 – 4 điểm)	ĐÃ LÀM TỐT (5 – 7 điểm)	RẤT XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức	0 điểm	1 điểm	2 điểm

(2 điểm)	Bài làm còn sơ sài, trình bày cầu thả Sai lỗi chính tả	Bài làm tương đối đầy đủ, chĩn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả	Bài làm tương đối đầy đủ, chĩn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (6 điểm)	1 - 3 điểm Chưa trả lời đúng câu hỏi trọng tâm Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	4 – 5 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	6 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Hiệu quả nhóm (2 điểm)	0 điểm Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động	1 điểm Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thông nhất Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động	2 điểm Hoạt động gắn kết Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động
Điểm			
TỔNG			

Phụ lục 2. Rubric chấm bài viết kết nối đọc viết

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	ĐÃ LÀM TỐT (5 – 7 điểm)	RẤT XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (3 điểm)	1 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày cầu thả Sai lỗi chính tả Sai kết cấu đoạn	2 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chĩn chu Trình bày cẩn thận Chuẩn kết cấu đoạn Không có lỗi chính tả	3 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chĩn chu Trình bày cẩn thận Chuẩn kết cấu đoạn Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (7 điểm)	1 – 4 điểm Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	5 – 6 điểm Nội dung đúng, đủ và trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	7 điểm Nội dung đúng, đủ và trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Điểm			
TỔNG			

Tiết 16,17. - VĂN BẢN 3

**CON ĐƯỜNG MÙA ĐÔNG
A.X. PUS - KIN**

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- HS vận dụng được những hiểu biết các kiến thức được giới thiệu trong phần Tri thức ngữ văn để đọc – hiểu một tác phẩm thơ trữ tình nước ngoài của tác giả A. X Pus – kin.
- HS hiểu được vị trí, vai trò của cấu tứ và hình ảnh trong bài thơ trữ tình.
- HS đánh giá được giá trị thẩm mỹ của cấu tứ bài thơ – cấu tứ hành trình nương theo dòng tâm tưởng nhân vật trữ tình, xoay quanh một hình tượng – hạt nhân được nêu ra ngay từ nhan đề bài thơ.

2. Về năng lực:

a. Năng lực chung:

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; Trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp.
- Năng lực tự chủ và tự học: biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề.

b. Năng lực riêng biệt

- HS nhận biết và phân tích được một số đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ văn học, đặc biệt là tính đa nghĩa, thể hiện qua cách kết hợp từ ngữ, kiến tạo hình tượng trong bản dịch bài thơ *Con đường mùa đông*.
- HS cảm nhận được vẻ đẹp của một bài thơ nước ngoài có những hình ảnh, chi tiết mang ý nghĩa biểu trưng, nhận biết và phân tích được vai trò của những yếu tố ấy trong bài *Con đường mùa đông*.

3. Về phẩm chất:

- Có quan niệm sống đúng đắn và ứng xử nhân văn.
- Đồng cảm với tâm trạng, cảm xúc, suy nghiệm của nhân vật trữ tình trong hành trình trên con đường mùa đông, cũng là hành trình cuộc đời của con người.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học:

- Giáo án, máy tính, ti vi
- Tranh, ảnh về tác giả, tác phẩm.

2. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

Lớp	Tiết	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh khi bước vào bài học mới

b. Nội dung:

- HS theo dõi qua máy chiếu, ti vi một số hình ảnh do GV trình chiếu
- HS trao đổi, thảo luận và trình bày suy nghĩ của mình

c. Sản phẩm: Hs trình bày suy nghĩ của mình

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ: -GV trình chiếu hình ảnh về con đường vắng lạnh, đường đêm hun hút ... từ đó GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:	*HS có thể có nhiều suy nghĩ, quan điểm khác nhau về thái độ của mình, miễn là không vi phạm pháp luật, phù hợp với thuần phong mỹ tục và cách lí giải hợp lí.

+ Cảm giác của em khi đi qua những con đường này một mình + Để vượt qua những sợ hãi, ghê rợn khi đi qua những con đường này các em sẽ làm gì? B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS trình bày ý kiến của mình B3. Báo cáo thảo luận: GV gọi 2, 3 em chia sẻ B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV cho HS đánh giá, phản biện trao đổi	Sau đây là một số gợi ý có thể HS sẽ trình bày: - Những trở ngại tinh thần mà một người độc hành trên đường lạnh vắng, có thể phải đối diện: sợ hãi; sự buồn tẻ; đơn độc, lẻ loi; mệt mỏi... - Để vượt qua những trở ngại đó, người ta có thể có một tinh thần vững chắc, một ý chí kiên cường và cần một chỗ dựa tinh thần tìm ra mục tiêu sống của mình, tự động viên bản thân vượt qua những tháng ngày cô đơn, có những người bạn tâm giao....
--	--

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1. Tìm hiểu khái quát

a. Mục tiêu:

- HS nắm bắt được thông tin về tác giả A. X . Pus- kin
- HS nhận biết được sự nghiệp sáng tác, phong cách nghệ thuật của nhà thơ

b. Nội dung:

- HS thực hiện theo yêu cầu của GV
- HS dựa vào SGK và tìm hiểu qua các kênh thông tin khác nhau để nắm bắt thông tin.
- GV hướng dẫn học sinh thực hiện và trình bày

c. Sản phẩm: Kết quả hoạt động của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
* Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu khái quát về tác giả, tác phẩm *B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS chuẩn bị bài (ở nhà) hoàn thành phiếu học tập số 1, để tìm hiểu những thông tin cơ bản về cuộc đời, sự nghiệp thơ văn, phong cách nghệ thuật của tác giả. + Vị trí của nhà thơ Pus- kin + Hoàn cảnh xuất thân + Các giai đoạn trong cuộc đời + Sự nghiệp sáng tác (tác phẩm) + Đặc điểm nội dung và nghệ thuật trong sáng tác của Pus- kin B2. Thực hiện nhiệm vụ HS tham khảo SGK kết hợp với vở soạn bài thực hiện nhiệm vụ. B3. Báo cáo thảo luận Báo cáo kết quả học tập tại lớp. Gọi HS trình bày sản phẩm qua bảng phụ hoặc trình chiếu. GV cho HS góp ý, nhận xét, đánh giá bổ sung để hoàn thiện.	I. Tìm hiểu chung 1. Tác giả a. Cuộc đời -A- lếch – xan- đơ- Xéc- ghê- ê – vich Pus – kin (1799- 1837) là người đặt nền móng cho văn học hiện thực Nga thế kỉ XIX. - Sinh ra trong một gia đình quý tộc lâu đời, sớm bộc lộ thiên hướng văn chương, bắt đầu sáng tác thơ văn từ khi lên 7,8 tuổi. - Những vần thơ của ông ca ngợi tự do, chống lại chế độ nông nô chuyên chế của chính quyền Nga Hoàng. - Năm 1820 – 1823, Pus – kin bị lưu đày xuống Phương Nam. - Năm 1824 – 1826, Pus – kin bị đày ngược lên một trang trại hẻo lánh ở Phương Bắc. - Đến giữa năm 1826, Pus – kin mới được miễn hạn tù đày. - Ông qua đời năm 1837 trong một cuộc đấu súng. b. Sự nghiệp sáng tác - Các tác phẩm chính + Tiểu thuyết bằng thơ: <i>Ép-ghê-nhi Ô-nê-ghin</i> , 1823-1831;... + Bi kịch lịch sử: <i>Bô-rít Gô-đu-nốp</i> , 1825;...

B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV đánh giá , nhận xét kết quả làm việc của HS	+ Trường ca: <i>Ru-xlan và Li-út-mi-la</i>, 1820; <i>Người tù Cáp-ca-dơ</i>, 1821;... + Truyện ngắn: <i>Cô tiểu thư nông dân</i>, 1830; <i>Con đầm pích</i>, 1833... - Đóng góp của Puskin cho nền văn học: Puskin có đóng góp trên nhiều mặt, nhiều thể loại, nhưng cống hiến vĩ đại nhất của ông vẫn là Thơ trữ tình với hơn 800 bài thơ và 13 bản trường ca bất hủ. Vì thế mà Puskin được xem là “<i>Mặt trời của thi ca Nga</i>” (Léc-môn-tốp). - Về nội dung: thơ của Puskin thể hiện tâm hồn khao khát tự do và tình yêu của nhân dân Nga → Chính vì thế mà Bielinxki đã nhận định Puskin là “<i>bộ bách khoa toàn thư của hiện thực đời sống Nga nửa đầu thế kỉ XIX</i>”. - Về nghệ thuật: Puskin có đóng góp quan trọng trong việc xây dựng và phát triển ngôn ngữ văn học Nga hiện đại.
** Tìm hiểu bài thơ “Thu hứng” B1: Chuyển giao nhiệm vụ GV nêu câu hỏi gợi dẫn: -Nêu hoàn cảnh sáng tác bài thơ? - Dựa vào tri thức ngữ văn căn cứ vào tình ý của văn bản: nhận diện thể loại, phương thức biểu đạt, bố cục văn bản. B2: Thực hiện nhiệm vụ HS tham khảo tư liệu SGK, cùng vở soạn và trả lời câu hỏi B3: Báo cáo thảo luận -GV gọi 1 HS trình bày -HS khác nhận xét, bổ sung B4: Đánh giá kết quả thực hiện- GV nhận xét, chốt kiến thức, cung cấp thêm cho hs hiểu rõ hơn. Gv hướng dẫn đọc văn bản phân dịch nghĩa và dịch thơ và so sánh hai bản dịch	2. Văn bản a. Hoàn cảnh sáng tác - Tháng 12 năm 1925, một cuộc khởi nghĩa do đông đảo những người trí thức tiến bộ lãnh đạo chống lại chế độ nông nô chuyên chế đã nổ ra rộng khắp trên đất nước Nga. - Đầu năm 1826, cuộc khởi nghĩa Nga Hoàng dập tắt. Vào mùa đông năm ấy, nỗi buồn riêng của nhà thơ ở nơi đây ảm, nỗi buồn chung của nhân dân sau thất bại của cuộc khởi nghĩa, cùng ý chí và khát vọng vượt qua những giây phút tủi buồn trong hành trình cuộc sống riêng tư, cũng như của dân tộc, đã trở thành nguồn cảm hứng để Pus – kin sáng tác nên bài thơ <i>Con đường mùa đông</i>. b. Thể loại Thơ trữ tình c. Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm d. Bố cục: 3 đoạn +Đoạn 1(Khổ 1,2,3): Nỗi buồn và nỗ lực vận động vượt qua trở ngại của nhân vật trữ tình trên con đường mùa đông. + Đoạn 2(Khổ 4): Cảnh vật và vận động tâm tưởng của người lữ hành +Đoạn 3(Khổ 5,6,7): Điểm tựa tinh thần và khát khao hạnh phúc của con người. d. So sánh bản dịch thơ và dịch nghĩa + Bản dịch thơ có ưu điểm về vần điệu, nhịp điệu có khả năng tác động mạnh đến cảm xúc người đọc song lời thơ dịch đôi khi xa với nguyên tác. Bản dịch nghĩa thô ráp song lại có thể trung thành với nguyên tác hơn. + Khổ 1: Những từ “xuyên qua”; “nhô ra”; “đội” có hàm nghĩa vận động vượt qua sức cản.

	+ Khổ 2: từ “lao nhanh” cũng là vượt qua những trở ngại của con đường khó đi mùa đông chứ không phải là băng đi một cách dễ dàng trên đường bằng phẳng. + Khổ 4: tương phản về ánh sáng – màu sắc “mái lều” – “ánh lửa” sẽ rõ hơn nếu lưu ý đó là “mái lều thẫm đen” và cụm từ “ngược chiều tôi” bị lược đi trong vế sau của khổ thơ đặc biệt quan trọng để hiểu tâm tưởng nhân vật trữ tình vận động về phía trước cùng cỗ xe bỏ lại sau những cột cây số. + Khổ 5: lời than trong nguyên tác bao quát cả hai sắc thái khác nhau của nỗi buồn chứ thực ra không có từ “cô lẻ” và hình tượng Nhi – na tỏa sáng giữa hai từ “ngày mai” được lặp lại trong nguyên tác + Khổ 6: Cụm từ “sẽ hòa tất vòng quay đều đặn của mình” chỉ ra ý thức về quy luật vận động của thời gian xưa đi lữ người phát ngây mà không rẽ chia đôi lửa lúc nửa đêm để hạnh phúc tình yêu còn đọng lại. + Khổ 7: cũng cần lưu ý một số từ bị lược đi trong bản dịch thơ: sau lời than là ý thức về con đường “của tôi” – đường tôi đi dù “tẻ ngắt” nhưng sứ mệnh của tôi là phải vững bước trên con đường ấy.
--	--

Nội dung 2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu:

- HS biết cách đọc văn bản thơ có cấu tứ lạ được thể hiện qua hình ảnh con đường mùa đông, cô đơn, lạnh lẽo.
- HS nhận biết và phân tích được vẻ đẹp tâm hồn của tác giả, con đường lưu đầy, ly biệt, cảm xúc rất nghệ sĩ tiêu biểu cho nước Nga.
- HS hiểu được những nét nghệ thuật cơ bản của bài thơ được tác giả sử dụng: hình ảnh, âm thanh, nghệ thuật tương phản, đối lập.

b. Nội dung:

- HS thực hiện theo yêu cầu của GV
- Làm việc cá nhân kết hợp nhóm để hoàn thành nhiệm vụ
- GV hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ và trình bày.

c. Sản phẩm:

Kết quả làm việc của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Nhiệm vụ 1: Nhan đề bài thơ B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV mời đại diện các nhóm dựa vào nội dung đã đọc ở nhà để trả lời các câu hỏi liên quan đến văn bản <i>Con đường mùa đông</i> + Em hiểu thế nào về nhan đề của bài thơ? Nhan đề đó gợi cho em liên tưởng gì? - Các nhóm tiếp nhận nhiệm vụ. B2. Thực hiện nhiệm vụ Các nhóm thảo luận để trả lời B3. Báo cáo thảo luận	II. Khám phá văn bản 1. Nhan đề bài thơ: - “Con đường” gợi ý niệm về sự vận động về hành trình cuộc đời, còn “mùa đông” gợi cảm xúc giá lạnh – nỗi buồn. - Ý nghĩa: Qua đó tác giả thể hiện nỗi buồn và vận động có hướng vừa đồng hành với nhau vừa thể hiện sự xung đột – con đường duy trì vận động theo một hướng đi có thể mâu thuẫn với nỗi buồn lạnh giá của mùa đông dân lên trong lòng như một trở ngại. Từ đó toát lên một câu hỏi “Làm thế nào để nỗi buồn không

GV mời đại diện các nhóm lên bảng yêu cầu các nhóm khác nhận xét, góp ý, bổ sung. B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV nhận xét, chốt kiến thức. Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu đoạn 1 B1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV chia lớp thành các nhóm để tập trung hoàn thiện Phiếu học tập số 2 với nội dung: + Thời gian + Không gian + Từ ngữ + Hình ảnh + Âm thanh + Cảm xúc của nhân vật trữ tình B2. Thực hiện nhiệm vụ HS làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ B3. Báo cáo thảo luận -GV gọi đại diện các nhóm lên trình bày -GV tổ chức cho HS đánh giá chéo giữa các nhóm B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV nhận xét, bổ sung và đánh giá phần trình bày của HS	còn là trở ngại trong hành trình trên con đường mùa đông lạnh vắng?” 2. Đoạn 1: Nỗi buồn và nỗ lực vận động vượt qua trở ngại của nhân vật trữ tình trên con đường mùa đông. a. Khổ 1 - Thời gian: đêm khuya mùa đông - Không gian: Cánh đồng bao la - Hình ảnh: <i>làn sương gợn sóng, mảnh trăng mờ ảo, cánh đồng buồn...</i> → bức tranh mùa đông lạnh lẽo, mênh mông, hiu quạnh tô đậm nỗi buồn của nhân vật trữ tình. - Từ ngữ: + Động từ <i>gợn</i>: Sự chuyển động nhẹ nhàng của màn sương + Động từ: <i>Xuyên, nhô</i>: Sự xuất hiện bất ngờ của vầng trăng + Từ láy: <i>Buồn bã</i>: Diễn tả những tia sáng yếu ớt, hiu hắt trên cánh đồng u buồn. → Khung cảnh thiên nhiên nên thơ, trữ tình nhưng âm đảm, u buồn. Qua đó nhân vật trữ tình cũng bộc lộ tâm trạng hết sức buồn bã của mình. Một nỗi buồn tê tái càng khiến cho cảnh vật và tâm trạng con người như hòa quyện vào nhau. b. Khổ 2,3 - Con đường mùa đông vắng lặng u buồn - Cỗ xe tam mã đang lăn bánh vun vút: Diễn tả sự trôi chảy không ngừng của thời gian - Âm thanh của tiếng lục lạc rung lên từng hồi đơn điệu, tẻ nhạt chứa đầy sự mệt mỏi qua nghệ thuật lấy động tả tĩnh. - Bài ca của người xà ích chứa đựng cả niềm vui mừng khôn xiết và cả nỗi buồn nặng trĩu hiu. → Mỗi âm thanh, hình ảnh xuất hiện vừa nhấn mạnh nỗi buồn của nhân vật trữ tình vừa cho thấy hướng vận động của NVTĐ để vượt qua những khó khăn trên đường. Nỗi buồn thời thế hoà với sự cô đơn của thân phận.
Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu đoạn 2 B1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV định hướng học sinh trả lời câu hỏi: Xác định những hình ảnh, hoạt động tương phản trong khổ 4. NVTĐ xuất hiện trong khổ này có còn chìm trong cảnh u buồn nữa không? Vì sao	3. Đoạn 2: Cảnh vật và vận động tâm tưởng của người lữ hành - Từ phủ định không: một mái lều, ánh lửa: nhấn mạnh không gian hiu hắt, hoang vu - Thiên nhiên Nga hiện lên qua tuyết trắng, những cánh rừng..

B2. Thực hiện nhiệm vụ HS làm việc cá nhân, kết hợp vở soạn để trả lời câu hỏi B3. Báo cáo thảo luận -GV gọi hs lên trình bày -GV tổ chức cho HS đánh giá câu trả lời của bạn B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV nhận xét, bổ sung và đánh giá phần trình bày của HS	- Hình ảnh “những cột dài cây số” là biểu tượng cho những cột mốc trong cuộc đời, ngược chiều với sự vận động tiến lên của con người. - Ở khổ thứ 4 ta thấy có sự tương phản bên ngoài về ánh sáng và màu sắc của những hình ảnh “ánh lửa” – “mái lều”; “rừng sâu” – “tuyết trắng”.. => Sự tương phản giữa tâm cảnh và ngoại cảnh xác định vận động tâm tưởng của NVTT tách ra khỏi cảnh vật bên ngoài của thực tại. Những “cột cây số” đơn độc, tẻ ngắt, sau khi “roi vào tầm mắt” của người lữ hành lập tức bị bỏ lại phía sau bởi người lữ hành không ngừng chuyển động về phía trước. Tương phản trong chuyển động “ngược chiều” nhau giữa cảnh vật và người lữ hành ở đây không chỉ nhấn mạnh sự tách biệt tâm tưởng của người lữ hành ra khỏi cảnh vật bên ngoài mà còn nhấn mạnh hướng vận động không ngừng về phía trước.
Nhiệm vụ 4: Tìm hiểu đoạn 3 B1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV chia lớp thành các nhóm để tập trung hoàn thiện Phiếu học tập số 3 với nội dung: + Thời gian + Không gian + Từ ngữ + Hình ảnh + Âm thanh + Cảm xúc của nhân vật trữ tình B2. Thực hiện nhiệm vụ HS làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ B3. Báo cáo thảo luận -GV gọi đại diện các nhóm lên trình bày -GV tổ chức cho HS đánh giá chéo giữa các nhóm B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV nhận xét, bổ sung và đánh giá phần trình bày của HS	4. Đoạn 3: Điểm tựa tinh thần và khát khao hạnh phúc của con người. a. Khổ 5,6 - Không gian : <i>bên lò lửa đỏ</i> - Thời gian: <i>ngày mai, đêm đông</i> - Hình ảnh: <i>lò lửa, ngày mai, Nhi – na</i> - Âm thanh: <i>kim đồng hồ</i> - Câu cảm thán “<i>Ôi buồn đau, ôi cô lẻ...</i>”: Sự thể hiện dòng cảm xúc mãnh liệt kết nối tâm tưởng NVTT với cô gái Nga yêu thương ở một không gian nhỏ, hẹp , bình yên, ấm áp nơi có lò lửa đỏ, có tiếng đồng hồ kêu tích tắc. → NVTT lúc này đang tận hưởng tâm trạng nhớ thương của người lữ khách. Nhà thơ không tuyệt vọng, không bi lụy. Nhà thơ tiếp tục đấu tranh với nỗi buồn bằng cách gọi tên người yêu. Hi vọng được trở về gặp lại người yêu. Trong tuyết lạnh mà nghĩ về lò lửa, mái ấm hạnh phúc gia đình, trong chia ly mà nghĩ đến đoàn tụ, trong xa vắng mà hy vọng trở về gặp Nhi – na – người yêu thương. b. Khổ 7 - Hình ảnh <i>chiếc xe ngựa cùng bác xà ích</i> lặp lại, tạo nên kết cấu vòng tròn tương ứng cho bài thơ. - “<i>Sương mờ che lấp ánh trăng nghiêng</i>”: Nỗi buồn đã được lắng lại, hóa thành niềm yêu cuộc sống →Nỗi buồn không bi lụy mà hóa

	thành tình yêu cuộc sống, khát vọng tự do, niềm tin vào tương lai tươi sáng. Những hình tượng <i>xe tam mã, bài ca của người xa ịch, mái lều, ánh lửa, Nhi – na</i> có ý nghĩa như điểm tựa nâng đỡ tâm hồn người lữ khách một đêm trắng mờ sương trên con đường màu đông tuyết trắng, làm dấy lên trong lòng lữ khách một nỗi buồn dịu ngọt.
--	---

Nội dung 3: Tổng kết

a. Mục tiêu: Giúp HS khái quát về nội dung, nghệ thuật của bài thơ

b. Nội dung:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân.
- HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ Hoạt động cá nhân GV phát vấn, HS đưa ra quan điểm cá nhân: về nội dung, nghệ thuật của bài thơ, phát hiện ra cấu tứ của bài thơ. B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra giấy câu trả lời trong 01 phút. - GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). B3. Báo cáo thảo luận: Tổ chức trao đổi, trình bày nội dung đã thảo luận B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV nhận xét, bổ sung hoàn thiện kiến thức	III. Tổng kết 1.Nội dung Văn bản chứa đựng nhiều cung bậc cảm xúc: buồn- vui, tĩnh – động, sáng – tối,... trong tuyết lạnh nhân vật trữ tình vẫn nghĩ về lửa đỏ, mái ấm gia đình hạnh phúc, trong chia ly lại nghĩ đến sum họp, trong xa vắng mà hi vọng gặp người thương. Niềm khao khát ấy khiến cho nhân vật trữ tình không uỷ mị mà lại càng tha thiết yêu thiên nhiên, yêu cuộc sống, yêu cái đẹp và luôn tin tưởng mình có thể vượt lên số phận. Nỗi buồn bao trùm cả bài thơ nhưng đó là nỗi buồn trong sáng giúp thanh lọc tâm hồn. Một nỗi buồn mang dấu ấn rất Pus – kin 2. Nghệ thuật - Thể thơ tự do mạch thơ chuyển động theo trình tự không gian, thời gian. - Câu tứ, ngôn từ, hình ảnh thơ chân thực, giản dị 3.Cấu tứ của bài thơ - Cấu tứ của bài thơ rất độc đáo. Chủ đề chính của bài thơ là tâm trạng của nhân vật trữ tình trên con đường mùa đông lạnh lẽo. Cùng với đó là cách sắp xếp ý, chọn lọc ý hết sức tài tình của tác giả. Tâm trạng của nhân vật trữ tình đi từ buồn chán, tẻ nhạt rồi đến cuối bài thơ, vẫn là những sự vật ấy nhưng trạng thái đã khác, càng buồn hơn nhưng trong đó vẫn ẩn

	chứa một niềm hy vọng mong manh về một ngày sẽ trở về. - Bài thơ khác cùng kiểu cấu tứ với bài “Con đường mùa đông” là bài thơ “Tuyết nhấp nhô như sóng” của Puskin:
--	--

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a.Mục tiêu:

- HS nắm được hình tượng thơ, từ đó biết chia sẻ, liên hệ với bản thân trong cuộc sống.
- HS biết cách nhận xét, khái quát và trình bày về một khía cạnh nghệ thuật trong một bài thơ.

b. Nội dung:

- HS thực hiện theo yêu cầu của GV
- HS làm việc cá nhân và trình bày trước lớp
- GV hướng dẫn HS thực hiện và trình bày

c. Sản phẩm: Kết quả làm việc của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS làm theo bàn học tập, thảo luận và giải quyết vấn đề. Nêu nhận xét về những hình tượng thơ được điểm lại trong khổ thơ cuối. Hãy chia sẻ suy nghĩ của em về cách lấy lại cảm giác bình yên trên <i>con đường mùa đông</i> trong cuộc đời. B2. Thực hiện nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân để hoàn thành nhiệm vụ B3. Báo cáo thảo luận HS trình bày sản phẩm của mình B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV cho HS nhận xét chéo, chốt kiến thức, giúp HS làm bài tập.	- Những hình tượng thơ được điểm lại ở khổ thơ cuối là sự tổng hợp những sự kiện quen thuộc đã xuất hiện trong những khổ thơ trên của tác giả. Những hình ảnh đó là Nhi- na, là bác xà ích, là nhạc ngựa và làn sương lạnh giá. Tất cả đều được tái hiện lại ở khổ cuối nhưng dường như đã mang một màu sắc khác, một tâm trạng khác. - Cách lấy lại cảm giác bình yên của tác giả hết sức độc đáo. Từ nỗi buồn chìm đắm, bao trùm lấy tâm trạng, ông dần nhận ra mọi thứ không cần phải như vậy và tâm trạng bắt đầu thay đổi. Ông chui qua lớp vỏ của nỗi buồn, giải phóng tâm trạng của mình, nghĩ về người mình yêu, về những tháng ngày hạnh phúc, ấm áp. Đây chính là chỗ dựa tinh thần lớn nhất trong ông, dựa vào nó, men theo dòng suy nghĩ, hồi tưởng của bản thân từ đó hình thành niềm tin, hi vọng vào một tương lai tươi sáng. - Để lấy lại cảm giác bình yên trên những “con đường mùa đông” trong cuộc đời chúng ta có thể suy nghĩ về những điều tốt đẹp mà ta hướng tới, nghĩ về những điều làm điểm tựa tâm hồn như gia đình, tình yêu,

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a.Mục tiêu:

- HS biết cách vận dụng kiến thức, kỹ năng để giải quyết một vấn đề thực hiện
- HS nhận thức được bài học cuộc sống qua tác phẩm trữ tình được nhà thơ gửi gắm/

b. Nội dung:

- HS làm việc cá nhân để hoàn thành nhiệm vụ
- GV tổ chức, hướng dẫn HS thực hiện và trình bày

c. Sản phẩm:

Kết quả làm việc của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
------------------------	------------------

B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS làm việc cá nhân để rút ra bài học Viết đoạn văn khoảng 150 chữ về một hình ảnh mang ý nghĩa tượng trưng mà bạn cho là đặc sắc nhất trong bài thơ <i>Con đường mùa đông</i> Pus – kin. B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS làm việc cá nhân tự thu thập tài liệu, chứng minh cho luận đề trên B3. Báo cáo thảo luận -GV yêu cầu HS trình bày kết quả làm việc -GV cho HS đánh giá chéo lẫn nhau để hoàn thiện B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV nhận xét, đánh giá và hoàn thiện sản phẩm	- Đảm bảo cấu trúc đoạn văn - Biết cách triển khai đoạn văn + Mở đoạn: Giới thiệu hình ảnh mang ý nghĩa tượng trưng mà bản thân cho là đặc sắc nhất: Nhi – na, nhạc ngựa, làn sương lạnh giá.... + Thân đoạn: Triển khai đoạn văn logic, hợp lí; Vận dụng lí luận và dẫn chứng để làm sáng tỏ hình ảnh mà mình lựa chọn + Kết đoạn Khẳng định hình ảnh mang tính tượng trưng có ý nghĩa quan trọng trong việc thể hiện cấu tứ của bài thơ.
--	---

Đoạn văn tham khảo

“Con đường mùa đông” là bài thơ trữ tình nổi tiếng của Puskin. Hình ảnh “con đường mùa đông” đã gợi lên ấn tượng sâu sắc với người đọc về tâm trạng buồn bã, cô đơn của người lữ khách và vẻ đẹp thiên nhiên của mùa đông nước Nga. Trên con đường ấy, cảnh vật vắng lặng, bao la và buồn man mác. Một đêm Đông quạnh hiu với làn sương mờ, ánh trăng mờ, cánh đồng mờ xa. Không gian đó trải dài tới tận cùng vô tận. Không gian đó, ngoài những hình ảnh, đường nét, màu sắc còn có cả khúc nhạc dịu êm, du dương: tiếng lục lạc đơn điệu buồn tẻ, khúc hát dân ca của người xà ích “Như niềm vui mừng khôn xiết/ Như nỗi buồn nặng trĩu hiu”, làm dấy lên trong lòng lữ khách một nỗi buồn dịu ngọt. Không gian đêm trên “con đường mùa Đông” tĩnh lặng, hiu quạnh quá. Ở đây, nhà thơ đã “lấy động để tả tĩnh”. Những âm thanh khe khẽ tuy giúp cho bức tranh cụ thể nhưng lại làm nổi bật cái im lìm của đêm Đông. Không cần đến những màu sắc rực rỡ, thiên nhiên trong bài thơ trong trẻo, thanh khiết, đẹp chân thực, tự nhiên, gần gũi và sống động lạ thường. Nó rất “Nga” và đậm hồn quê hương xứ sở. Cảnh sắc thiên nhiên mùa Đông nước Nga đã được Puskin miêu tả một cách tinh tế, chọn lọc.

4. Củng cố:

- HS nắm được nội dung và nghệ thuật của bài thơ
- Cấu tứ, hình ảnh thơ của Pus – kin mang đậm vẻ đẹp Nga.

5. HDVN:

Soạn bài Thực hành Tiếng Việt : MỘT SỐ HIỆN TƯỢNG PHÁ VỠ NHỮNG QUY TẮC NGÔN NGỮ THÔNG THƯỜNG: ĐẶC ĐIỂM VÀ TÁC DỤNG

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1. Tác giả Pus – kin

+ Vị trí của nhà thơ Pus- kin	
+ Hoàn cảnh xuất thân	
+ Các giai đoạn trong cuộc đời	
+ Sự nghiệp sáng tác (tác phẩm)	
+ Đặc điểm nội dung và nghệ thuật trong sáng tác của Pus- kin	

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

HÌNH TƯỢNG CON ĐƯỜNG MÙA ĐÔNG

Khung cảnh thiên nhiên	Cảm xúc của NVTT
+ Không gian	

+ Thời gian	
+ Âm thanh	
+ Hình ảnh	
+ Từ ngữ	

PHẦN THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

TIẾT 18.

MỘT SỐ HIỆN TƯỢNG PHÁ VỠ NHỮNG QUY TẮC NGÔN NGỮ THÔNG THƯỜNG: ĐẶC ĐIỂM VÀ TÁC DỤNG

I. MỤC TIÊU

1. Về năng lực đặc thù

- **Học sinh nhận biết** được đặc điểm và tác dụng của một số hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường
- **Học sinh chỉ ra** được chức năng của một số hiện tượng phá vỡ những quy tắc thông thường trong sáng tác văn học
- **Học sinh vận dụng** kiến thức để hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường trong việc tạo lập văn bản.

2. Về năng lực chung: **Học sinh phát triển:** Tư duy phản biện, năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề,....

3. Về phẩm chất: Trân trọng và yêu sự trong sáng của tiếng Việt.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

2. Thiết bị: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức:

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG – TẠO TÂM THỂ

a. Mục tiêu hoạt động: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học

b. Nội dung thực hiện:

❖ GV : GV cho 4 câu bất kì đảo lộn xộn từ trong dòng thơ . Yêu cầu cá nhân học sinh sắp xếp thành câu có nghĩa

HS trả lời : Tự do sắp xếp và Gv, các bạn đánh giá. Hs sinh có ý kiến phản biện câu của mình khi có ý kiến trái chiều.

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV cung cấp những câu thơ lộn xộn: <i>thót tàu hạt mưa Thánh tiêu mấy</i> <i>Khen khéo vẽ tiêu sơ ai cảnh</i> <i>cổ thụ tròn tán om Xanh xoe</i> <i>xoá Trắng tràng phẳng lặng tờ giang</i> (Hồ Xuân Hương) Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ: Học sinh suy nghĩ và sắp xếp lại Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ Bước 4. Kết luận, nhận định <i>Thánh thót tàu tiêu mấy hạt mưa</i> <i>Khen ai khéo vẽ cảnh tiêu sơ</i> <i>Xanh om cổ thụ tròn xoe tán</i> <i>Trắng xoá tràng giang phẳng lặng tờ.</i> Giáo viên dẫn dắt vào bài học: Trong một số sáng tác văn học, việc xuất hiện một số hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường đem lại những hiệu quả, tác dụng nghệ thuật nhất định.	GV linh hoạt sử dụng câu trả lời của HS

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

a. Mục tiêu hoạt động:

❖ Học sinh nhận biết được đặc điểm và tác dụng của một số hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường

❖ Học sinh chỉ ra được chức năng của một số hiện tượng phá vỡ những quy tắc thông thường trong sáng tác văn học

❖ Học sinh vận dụng kiến thức để hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường trong việc tạo lập văn bản.

b. Nội dung thực hiện: GV cho HĐ nhóm – HS trả lời

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
HĐ 2.1 Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên: Chia nhóm theo kĩ thuật “khăn trải bàn” (Chia 04 nhóm) Câu hỏi cho từng nhóm trả lời : Nhóm 1: Câu 1,2 /tr65	Câu 1 - “Buồn” chỉ tâm trạng của con người, “điệp điệp” là từ chỉ dòng chảy hoặc nói lem lem, nói lau láu. Ví dụ: Điệp điệp bất hưu (Nói luôn mồm không thôi).

Nhóm 2: Câu 3 /tr65 Nhóm 3: Câu 4 /tr65 Nhóm 4: Câu 5 /tr65 Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thảo luận và trả lời Thời gian: 7 phút Chia sẻ: 8 phút cho 4 nhóm Phản biện và trao đổi: 2 phút cho 1 nhóm Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần bài làm Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt những kiến thức	- Vì thế, trong cụm từ “buồn điệp điệp” ở dòng mở đầu bài thơ Tràng giang tác giả đã tạo ra cách kết hợp từ trái với logic. Cách kết hợp như vậy gợi tả một nỗi buồn day dứt lòng người của tác giả. Câu 2 - “Chót vót” là từ láy vốn chỉ được sử dụng để diễn tả độ cao, trong câu thơ của Huy Cận, nó lại đi với chiều sâu. Cảm giác sâu chót vót là có thật bởi tác giả nhìn dòng sông và thấy bầu trời dưới đáy sông sâu. Không gian được mở rộng đến hai lần: có cả chiều cao (từ mặt nước lên bầu trời) và cả chiều sâu (bầu trời dưới đáy sông sâu). => Tác giả cung cấp nét nghĩa mới cho từ ngữ nhằm đưa đến phát hiện bất ngờ về đối tượng được đề cập. Câu 3 - Tác giả sử dụng hình thức đảo ngữ: “Lơ thơ cồn nhỏ, tiếng làng xa vãn chợ chiều.” - Hình thức đảo ngữ giúp nhấn mạnh hình ảnh tràng giang một buổi chiều mênh mông, vắng vẻ. Cảnh vật bên cồn thưa thớt trống trải, âm thanh của tiếng chợ chiều đã vãn bao giờ cũng chứa chất nỗi buồn. Câu 4 Giá trị biểu đạt của dấu hai chấm ở dòng thơ “Chim nghiêng cánh nhỏ: bóng chiều sa”: Tác giả đã bổ sung chức năng mới cho dấu câu, diễn tả hai hình ảnh đối lập nhau. Dấu hai chấm không chỉ đơn thuần để ngắt câu mà nó còn mang dụng ý nghệ thuật sâu sắc nhằm nhấn mạnh hơn không gian bao la, bát ngát đến vô tận. Con chim lẻ loi đơn độc này dường như đang mang một gánh nặng, một bóng chiều trong mình, không chỉ trong cảm xúc, mà còn trong dòng chảy nghệ thuật đang tiến trên trang giấy. Câu 5 - Nguyên nhân của sự biến đổi: Ở bản in thơ năm 1939 có hiện tượng phá vỡ quy tắc ngôn ngữ thông thường. Còn ở bản in năm 1988, không có hiện tượng này. - Ở bản in năm 1939, tác giả dùng dấu chấm than ở câu thơ thứ nhất “Ồ! Hay buồn vương cây ngô đồng”. Tác giả bổ sung chức năng mới cho dấu câu. Thông thường dấu chấm than dùng để bộc lộ cảm xúc hoặc kết thúc câu cầu khiến. Ở trong câu thơ này, dấu chấm than
--	--

HD 2.2 (Sau khi học sinh làm xong 5 bài tập HD1. GV yêu cầu các nhóm trả lời câu hỏi: Nhóm 1: <i>Cần làm gì để nhận biết hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường?</i> Nhóm 2: <i>Nêu một số hiện tượng phá vỡ quy tắc ngôn ngữ thông thường trong các sáng tác văn học?</i> Nhóm 3: <i>Nêu mục đích của việc phá vỡ quy tắc ngôn ngữ thông thường trong sáng tác văn học</i> Nhóm 4: <i>Theo em, nếu không có hiện tượng phá vỡ quy tắc ngôn ngữ thì các sáng tác văn học (đặc biệt là thơ) có trở nên chuẩn mực và có tính ổn định hay không? Lấy ví dụ chứng minh.</i> Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thảo luận và trả lời Thời gian: 7 phút Chia sẻ: 8 phút cho 4 nhóm Phản biện và trao đổi: 2 phút cho 1 nhóm Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần bài làm Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt những kiến thức	chia câu thơ làm hai vế, vừa để bộc lộ cảm xúc, vừa như có ý để hỏi. • Lí thuyết 1. Cách nhận diện hiện tượng phá vỡ quy tắc ngôn ngữ trong sáng tác văn học - Phải nắm vững những quy ước ngôn ngữ có tính chuẩn mực của tiếng Việt. - Thực hiện đối chiếu, so sánh các phương án sử dụng ngôn ngữ khác nhau. 2. Một số hiện tượng phá vỡ quy tắc ngôn ngữ thông thường trong sáng tác văn học - Tạo ra những kết hợp từ trái logic nhằm lạ hóa đối tượng được nói đến - Sử dụng hình thức đảo ngữ để nhấn mạnh một đặc điểm nào đó của đối tượng miêu tả, thể hiện - Cung cấp nét nghĩa mới cho từ ngữ nhằm đưa đến phát hiện bất ngờ về đối tượng được đề cập. Đồng thời bổ sung chức năng mới cho dấu câu khi trình bày văn bản trên giấy
--	--

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu hoạt động: Học sinh vận dụng năng lực ngôn ngữ để nhận diện, phân tích ý nghĩa của hiện tượng phá vỡ quy tắc ngôn ngữ thông thường

b. Nội dung thực hiện

HS hoạt động cá nhân vận dụng kiến thức đã học đã hoàn thành bài tập củng cố

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao nhiệm vụ: Học sinh lựa chọn 1 trong 3 đoạn thơ và tiến hành nhận diện, phân tích ý nghĩa của hiện tượng phá vỡ quy tắc ngôn ngữ thông thường. - Tôi đang thêm mấy hao gầy Mở ngày tháng để chắt đầy tương tư (Khúc điệu êm - Đỗ Trung Lai)) - Đàn cừu đi giữa tung tăng Làm hương cỏ rối dậy hăng núi đồi	GV linh hoạt sử dụng phần chia sẻ bài làm của HS Đáp án tham khảo - Tính từ đặt vào vị trí của danh từ rong câu thơ thứ nhất. Tạo ra một kết hợp từ trái logic nhằm lạ hóa và gây ấn tượng mạnh mẽ với người đọc. - Giữa thảo nguyên mênh mông, ngắm đàn cừu, nhà thơ vui như chính mình được chạy nhảy tung tăng với chúng, trẻ lại, hồn nhiên, ngây thơ như... con cừu. Trong tâm trạng ấy,

(Trên Cao Nguyên - Lê Đình Cánh) 3. Ai tình tứ cho cả chiều bờ ngõ Liên chị xa biên biệt nỗi giăng mừng. (Một chút giăng mừng - Phan Quế) Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh suy nghĩ và thực hiện bài tập Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày phần bài làm của mình Bước 4. Kết luận, nhận định GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo	nhà thơ có "đặt nhâm" vị trí từ loại thì cũng là cái "nhâm đáng yêu" làm cho câu thơ đẹp hơn, hay hơn. 3. "xa biên biệt" thì chuyện "thương thâm" là quá hiển nhiên! Nhà thơ viết "nỗi giăng mừng" hình ảnh này gây ấn tượng, xao động tâm tư, gợi nhiều liên tưởng: giăng mừng, trải chiếu thường nghĩ đến chuyện lứa đôi, hạnh phúc, đằng này lại xa biên biệt.
--	---

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG, LIÊN HỆ

a. Mục tiêu hoạt động: Học sinh tự tìm hiểu về một số hiện tượng phá vỡ quy tắc ngôn ngữ thông thường trong sáng tác văn học.

b. Nội dung thực hiện: HS hoàn thành bài viết và tự sửa lại bài viết theo rubric chấm

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao nhiệm vụ Học sinh tìm hiểu thêm một số các trường hợp phá vỡ quy tắc ngôn ngữ thông thường trong sáng tác văn học. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hiện nhiệm vụ Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày phần bài làm của mình Bước 4. Kết luận, nhận định GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo	GV linh hoạt vào bài chia sẻ của HS

Phụ lục 1. Giải bài tập

Phụ lục 2. Bảng kiểm đánh giá thảo luận nhóm

Vấn đề	Mức độ	Tiêu chí đánh giá	Nhóm số...	Tổng điểm
Quá trình thảo luận	Tích cực, hiệu quả	Nhóm đã tích cực hoàn thành công việc được giao, có những đóng góp có giá trị.		
	Tích cực, chưa hiệu quả	Nhóm hoàn thành công việc được giao, có đóng góp ý kiến nhưng vẫn chưa đúng hoặc ít có giá trị		
	Chưa hiệu quả	Nhóm có thành viên không tham gia hoặc rất ít có đóng góp vào hoạt động thảo luận của nhóm		
Mức độ tập trung chú ý	Cao	Ghi chép đầy đủ, tập trung, tích cực lắng nghe và phản hồi các ý kiến của các nhóm khác		
	Bình thường	Ghi chép đầy đủ, chú ý nhận nhiệm vụ		
	Thấp	Không ghi chép, thiếu tập trung, lơ đãng, làm việc riêng		
	Tốt	Trình bày đầy đủ các nội dung được giao một cách chính xác, hợp lý		

Trình bày kết quả thảo luận		<i>Trình bày rõ ràng, mạch lạc Có sáng tạo</i>		
	<i>Khá tốt</i>	<i>Trình bày đầy đủ các nội dung được giao nhưng còn một số sai sót nhỏ Trình bày rõ ràng, mạch lạc</i>		
	<i>Chưa tốt</i>	<i>Trình bày chưa đầy đủ các nội dung được giao, còn nhiều sai sót Cách trình bày thiếu tự tin, chưa cụ thể, rõ ràng</i>		

PHẦN VIẾT

TIẾT 19,20

VIẾT VĂN BẢN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT TÁC PHẨM THƠ (Tìm hiểu cấu tứ và hình ảnh của tác phẩm)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Giới thiệu ngắn gọn về bài thơ (tác giả, vị trí của bài thơ; lý do lựa chọn bài thơ;...).
- Xác định rõ trọng tâm vấn đề được bàn luận trong bài viết (cấu tứ độc đáo của bài thơ và sự chi phối của nó đến hệ thống hình ảnh).
- Xem xét vấn đề một cách toàn diện theo từng khía cạnh cụ thể với những lí lẽ, bằng chứng xác đáng.
- Đánh giá được nét đặc sắc về cấu tứ và hình ảnh của bài thơ cũng như giá trị của chúng trong việc thể hiện những khám phá mới về con người và cuộc sống.

Về năng lực:

- Vận dụng năng lực ngôn ngữ và cảm thụ văn học để tạo lập văn bản phân tích, đánh giá cấu tứ và hình ảnh trong một tác phẩm thơ.
- Năng lực tự học, hoạt động nhóm, giải quyết vấn đề.

3. Về phẩm chất:

- Tự rút ra được bài học trong cuộc sống và liên kết với các yếu tố số hóa, công dân toàn cầu,...

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. **Thiết bị dạy học:** máy tính, màn chiếu, loa âm thanh...

2. **Học liệu:** Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

Lớp	Tiết	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. **Mục tiêu:** Tạo tâm thế thoải mái, hứng thú để gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học.

b. **Nội dung:** Giới thiệu về kiểu bài viết bài văn nghị luận về một tác phẩm thơ.

c. **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV đặt câu hỏi: Em hãy nêu các yếu tố cần thiết để viết văn bản nghị luận về một tác phẩm thơ ? B2. Thực hiện nhiệm vụ: Hs suy nghĩ trả lời. B3. Báo cáo thảo luận: Hs chia sẻ. B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Giáo viên dẫn dắt vào bài học: Trong tìm hiểu và phân tích một bài thơ, ngoài yếu tố về nội dung và nghệ thuật thì cấu tứ và hình ảnh thơ giữ vai trò quan trọng để tạo nên giá trị nội dung và nghệ thuật. Những hình ảnh thơ có thể giống nhau nhưng trong mỗi bài thơ phụ thuộc vào cấu tứ mà có ý nghĩa khác nhau. GV giới thiệu về kiểu bài nghị luận về một tác phẩm thơ (Tìm hiểu cấu tứ và hình ảnh trong tác phẩm)	-Học sinh nêu, Gv ghi chép lại +Đề tài +Ngôn từ +Cảm xúc +Câu tứ +Hình ảnh

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1: Tìm hiểu về cấu tứ và hình ảnh trong bài thơ

a. Mục tiêu:

-Học sinh nắm được **khái niệm về cấu tứ và hình ảnh trong bài thơ là gì?**

b. **Nội dung:** Gv nêu câu hỏi:

c. **Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ: Dựa vào phần tri thức ngữ văn, hãy nêu khái niệm cấu tứ và hình ảnh trong bài thơ? B2. Thực hiện nhiệm vụ: Hs nhận nhiệm vụ B3. Báo cáo thảo luận: Câu trả lời của học sinh.	I.Tìm hiểu về cấu tứ và hình ảnh trong thơ (SGK-54) 1. Cấu tứ trong bài thơ -Cấu tứ gắn liền với việc xác định, hình dung hướng phát triển của hình tượng thơ, cách triển khai bài thơ.

B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Gv hệ thống lại kiến thức về cấu tứ và hình ảnh trong thơ, nhấn mạnh tầm quan trọng của hình ảnh.	- Sản phẩm của cấu tứ là tứ thơ. 2. Hình ảnh trong bài thơ Hình ảnh trong thơ thường dùng để diễn tả hoặc gợi lên cảm nhận sâu xa hoặc một ý nghĩa nào đó của bài thơ.
--	---

Nội dung 2: Đọc và phân tích bài viết tham khảo “ Bài thơ “Tĩnh dạ tứ” của Lý Bạch”

a. Mục tiêu:

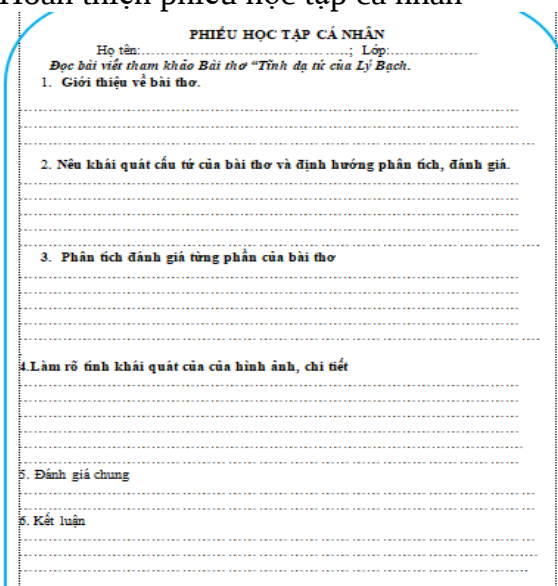
- **Học sinh giới thiệu** được ngắn gọn về bài thơ được chọn (tác giả, hoàn cảnh ra đời của tác phẩm, khuynh hướng, trào lưu văn học gắn với bài thơ; lí do lựa chọn bài thơ để phân tích, đánh giá)

b. Nội dung:

- Học sinh đọc văn bản “ *Bài thơ Tĩnh dạ tứ của Lý Bạch*” và thực hiện trả lời các câu hỏi trong sgk. Hoàn thiện phiếu học tập cá nhân trước khi đến lớp.
 - Học sinh lập dàn ý và ghi lại các lưu ý khi thực hành bài viết

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS, Phiếu học tập hoàn chỉnh.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ -Nhiệm vụ 1: Giáo viên yêu cầu HS đọc văn bản. Hoàn thiện phiếu học tập cá nhân  -Nhiệm vụ 2: Chia lớp thành 3 nhóm: +Nhóm 1: Bài thơ được giới thiệu như thế nào? +Nhóm 2: Xác định trình tự logic triển khai ý trong bài viết? +Nhóm 3: Cấu tứ và tính chất khái quát của bài thơ được người viết đề cập ở đoạn nào, câu nào? B2. Thực hiện nhiệm vụ: + Học sinh hoàn thành phiếu bài tập trước khi đến lớp. + Thảo luận nhóm trong 7 phút.	II. Bài viết tham khảo “ Bài thơ “Tĩnh dạ tứ” của Lý Bạch” 1. Bài thơ được giới thiệu như thế nào? Cách giới thiệu ngắn gọn, có thể triển khai theo 2 nghĩa: +Tĩnh dạ tư: Nỗi nhớ trong đêm thanh tĩnh + Tĩnh dạ tứ: Cảm nghĩ trong đêm thanh tĩnh. 2. Xác định trình tự logic triển khai ý trong bài viết? +Giới thiệu bài thơ. +Nêu khái quát cấu tứ bài thơ. +Phân tích đánh giá từng phần của bài thơ +Làm rõ tính khái quát của hình ảnh, chi tiết. +Đánh giá chung. +Kết luận. 3.Cấu tứ và tính chất khái quát của bài thơ được người viết đề cập ở đoạn nào, câu nào? + Cấu tứ và hình ảnh được thể hiện ở đoạn văn thứ 2. + Câu văn khái quát: Đêm yên tĩnh trên đường lữ khách....viết nên một bài thơ tuyệt diệu”

B3. Báo cáo thảo luận: Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phân bài làm B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Gv nhận xét, đánh giá, đưa ra đáp án PHT cá nhân. 1. Giới thiệu về bài thơ. - Bài thơ có hai cách hiểu là “ Nỗi nhớ trong đêm thanh tĩnh và Cảm nghĩ trong đêm thanh tĩnh”. -Đề tài: Nguyệt dạ tư hương thường gặp trong thơ Đường. 2. Nêu khái quát cấu tứ của bài thơ và định hướng phân tích, đánh giá: - Bài thơ viết về một đêm yên tĩnh trên đường lữ hành và ẩn sâu trong đó là tình yêu sâu nặng với quê hương. - Hướng đi của bài thơ là miêu tả đêm trăng tịch mịch, qua đó làm nổi bật tâm trạng của nhân vật trữ tình. 3. Phân tích đánh giá từng phần của bài thơ -Phân theo bố cục bài thơ: +2 câu đầu: Vàng trắng mở ra trong tâm trí tác giả một nỗi nhớ trong tiềm thức; ánh trăng mở ra rọi chiếu cho tất cả. +2 câu cuối: Nhà thơ nhớ về quê nhà của mình nơi ông được sinh ra. Những kỉ niệm chợt ùa về khiến nỗi lòng kẻ tha hương thêm buồn và nhớ quê hương. 4.Làm rõ tính khái quát của của hình ảnh, chi tiết. +Ánh trăng vào tận phòng cho biết đêm sâu; nhận thấy ánh trăng rọi sáng đầu giường chứng tỏ là người không ngủ. +Nhà thơ ngẩn đầu ngẩng trăng sáng bởi thấy trăng như thấy “cố tri”. +Nhà thơ gặp lại trăng như gặp lại người quen, thấy trăng như thấy nỗi nhớ. +Chủ đề của bài thơ “tư hương” nhưng lại dành đến ba câu tả trăng, đến câu “Tâm niệm tư cố hương” liền dừng lại. 5. Đánh giá chung: Lấy cái vô tình nói tình thì tất tình hiện ra, lấy cái vô ý tả ý thì tất ý chân thật. 6.Kết luận: Tính chất tự nhiên, chân thật, đầy hàm ý	
--	--

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (Thực hành viết)

a. Mục tiêu: Học sinh vận dụng năng lực ngôn ngữ để thực hành viết nhanh một đoạn nêu hoặc trình bày một quan điểm, đánh giá về một khía cạnh, nội dung và nghệ thuật của tác phẩm thơ

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã học đã hoàn thành bài viết theo rubric chấm

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS

d. Tổ chức thực hiện:

*** Chuẩn bị viết**

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ Hs hoạt động cá nhân Bài thơ em chọn để phân tích cần đảm bảo tiêu chí nào về cấu tứ và hình ảnh? B2. Thực hiện nhiệm vụ: Học sinh nhận nhiệm vụ. B3. Báo cáo thảo luận: Hs trả lời B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Gv nhận xét câu trả lời của hs, chốt lại kiến thức.	I. Thực hành viết 1. Chuẩn bị viết - Cần chọn những tác phẩm thơ có cấu tứ độc đáo và có hệ thống hình ảnh phong phú được xây dựng theo sự chi phối của tứ thơ, ngoài giá trị tạo hình còn có tầng ý nghĩa sâu xa. - Có thể chọn những bài thơ được tìm hiểu trong chính chương trình đang học, ngoài chương trình hoặc theo sự gợi ý của thầy cô.

*** Tìm ý, lập dàn ý:**

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ Hs hoạt động cá nhân ?Dựa vào sách giáo khoa đưa ra một số gợi ý nhằm khai thác ý của bài thơ? B2. Thực hiện nhiệm vụ: Hs nhận nhiệm vụ B3. Báo cáo thảo luận: Hs trả lời. B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo - GV: HS nhắc lại yêu cầu của đề bài. - Đọc một số bài tiêu biểu. - HS nhận xét, trình bày ý kiến của bản thân. - GV trao đổi những điểm đáng ghi nhận, những điểm cần sửa chữa của bài viết.	2. Tìm ý và lập dàn ý: *.Tìm ý: - Bài thơ đã hình thành và hoàn thiện dựa trên ý tưởng cơ bản nào? -Điều gì làm cho ý tưởng hiện lên một cách sinh động? -Có thể nêu nhận định khái quát nào về cấu tứ của bài thơ? Nhận định này có gì khác biệt so với những nhận định từng có và đã bao quát hết mọi yếu tố cấu thành của bài thơ chưa? -Tìm hiểu, đánh giá cấu tứ bài thơ: Với cách cấu tứ đã nêu, bài thơ thể hiện được phát hiện riêng gì của nhà thơ về thế giới và con người? -Tìm hiểu, phân tích hệ thống hình ảnh trong bài thơ. +Bài thơ có những hình ảnh nào? Những hình ảnh đó có thể người đọc những ấn tượng, liên tưởng gì? + Có thể nhìn nhận như thế nào về logic kết nối các hình ảnh trong bài thơ với nhau? Cái tứ của bài thơ đã chi phối điều này ra sao? + Có thể nói gì về hàm nghĩa của các hình ảnh trong bài thơ. *Lập dàn ý: - Mở bài: Giới thiệu chung về bài thơ và vấn đề chung sẽ được bàn luận trong bài viết. - Thân bài: Cần triển khai các ý:

	+Cảm giác chung mà cấu tứ và hình ảnh và cách diễn tả khác lạ trong bài thơ đã gợi cho người đọc. +Sự khác biệt của bài thơ so với các bài thơ khác trên phương diện xây dựng hệ thống hình ảnh và tạo sự kết nối giữa các bộ phận cấu tạo trong bài thơ. +Những khả năng hiểu khác nhau với một số yếu tố, hình ảnh trong bài thơ. -Kết bài: Khẳng định sự độc đáo và ý nghĩa của sự độc đáo đó với độc giả.
--	---

*** Viết, chỉnh sửa, hoàn thiện**

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ Khi viết học sinh cần chú ý những gì? Chỉnh sửa và hoàn thiện cần chú ý những gì? B2. Thực hiện nhiệm vụ: Hs nhận nhiệm vụ. B3. Báo cáo thảo luận: Hs trả lời. B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Giáo viên đưa ra ý kiến và chốt kiến thức.	3. Viết, chỉnh sửa, hoàn thiện *Viết: -Chủ động, sáng tạo khi viết, có thể đổi ý, đảo trật tự ý, bổ sung ý mới khi viết. -Nêu những cách nhìn nhận khác nhau về cấu tứ khi viết; có thể dùng sơ đồ cấu tứ. -Nêu hàm nghĩa của các hình ảnh, chi tiết trong bài thơ; chú ý cách dùng từ thận trọng khi thể hiện thái độ riêng. *Chỉnh sửa, hoàn thiện: - Đối chiếu với yêu cầu của kiểu bài và dàn ý đã lập. -Xem lại cách diễn đạt những đoạn viết về cấu tứ của bài thơ. -Khắc phục lỗi chính tả, ngữ pháp; chú ý tách đoạn, tách khổ để tạo hiệu quả tích cực về thị giác.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Học sinh hoàn thiện bài thể hiện rõ cấu tứ và hình ảnh thơ trong bài.

b. Nội dung: Học sinh trình bày được ý tưởng

c. Sản phẩm: Bài viết của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm										
B1. Chuyển giao nhiệm vụ: Đọc bài thơ: Sang Thu - Hữu Thỉnh <i>Bỗng nhận ra hương ổi</i> <i>Phả vào trong gió se</i> <i>Sương chùng chình qua ngõ</i> <i>Hình như thu đã về</i> <i>Sông được lúc dềnh dàng</i> <i>Chim bắt đầu vội vã</i> <i>Có đám mây mùa hạ</i> <i>Vắt nửa mình sang thu</i> <i>Vẫn còn bao nhiêu nắng</i> <i>Đã vơi dần cơn mưa</i>	PHIẾU HƯỚNG DẪN VIẾT <table border="1"> <thead> <tr> <th>HƯỚNG DẪN</th><th>THỰC HÀNH</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Giới thiệu bài thơ.</td><td></td></tr> <tr> <td>Xác định cấu tứ bài thơ</td><td></td></tr> <tr> <td>Hình ảnh mang ý nghĩa sâu xa</td><td></td></tr> <tr> <td>Kết luận</td><td></td></tr> </tbody> </table>	HƯỚNG DẪN	THỰC HÀNH	Giới thiệu bài thơ.		Xác định cấu tứ bài thơ		Hình ảnh mang ý nghĩa sâu xa		Kết luận	
HƯỚNG DẪN	THỰC HÀNH										
Giới thiệu bài thơ.											
Xác định cấu tứ bài thơ											
Hình ảnh mang ý nghĩa sâu xa											
Kết luận											

<i>Sấm cũng bớt bất ngờ Trên hàng cây đứng tuổi. Trả lời các câu hỏi sau:</i> 1. Giới thiệu về bài thơ (hoàn cảnh ra đời, xuất xứ). 2. Chỉ ra câu tứ và ý nghĩa các hình ảnh được tác giả nhắc đến trong bài thơ. B2. Thực hiện nhiệm vụ: hs nhận nhiệm vụ B3. Báo cáo thảo luận: Hs làm và nộp bài B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Gv chữa trong tiết trả bài.	
---	--

4. Củng cố: Học sinh nắm chắc nội dung bài học về cách viết một bài văn nghị luận về một tác phẩm thơ.

5. HDVN: Chuẩn bị cho tiết trả bài.

PHẦN NÓI VÀ NGHE

TIẾT 21

GIỚI THIỆU VỀ MỘT TÁC PHẨM NGHỆ THUẬT

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Chọn được tác thơ có có cấu tứ độc đáo và hệ thống hình ảnh phong phú để thuyết trình.
- Hiểu được những yêu cầu cơ bản của việc thuyết trình.

2. Về năng lực

- Học sinh vận dụng năng lực ngôn ngữ để thực hành nói và nghe.
- Đưa ra được ý kiến, quan điểm của cá nhân khi tham gia nói và nghe về vấn đề
- Biết tranh luận với các ý kiến, quan điểm khác để bảo vệ ý kiến, quan điểm của mình.

3. Về phẩm chất

Chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm. Có tinh thần, thái độ phù hợp khi tham gia thảo luận tôn trọng người nói, người nghe.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy chiếu, máy tính,...

2. Học liệu: SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, bảng kiểm, phiếu học tập,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. Tổ chức

Lớp	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức về kiểu bài, kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học.

b. Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

-GV đặt câu hỏi: Theo em, khi giới thiệu một tác phẩm văn học hoặc hội họa cho người khác nghe, em sẽ giới thiệu những gì?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

- HS suy nghĩ để trả lời câu hỏi.
- GV động viên, khuyến khích.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- GV trình chiếu một số phiếu trả lời nhanh; hoặc mời HS trả lời nhanh
- HS khác quan sát, nhận xét, bổ sung ý kiến.

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV dẫn dắt vào nội dung tiết học

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu: HS nắm vững những yêu cầu chung của việc giới thiệu, đánh giá về một tác phẩm nghệ thuật.

b. Nội dung: HS hoạt động cá nhân, thảo luận nhóm

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HĐ của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
-GV giao nhiệm vụ: Muốn giới thiệu, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm thơ, các em cần thực hiện những yêu cầu gì? -HS thực hiện nhiệm vụ: dựa vào phần định hướng trong SGK GV quan sát, khuyến khích	I. Những yêu cầu của bài giới thiệu một tác phẩm nghệ thuật - Cung cấp được thông tin chung về tác phẩm nghệ thuật một cách sáng rõ, chính xác (tên tác phẩm, tác giả, thể loại, thời điểm sáng tác, đánh giá của công chúng với các nhà chuyên môn,...). - Nêu được lý do chọn giới thiệu tác phẩm. - Trình bày được cảm nhận, quan điểm cá nhân của người nói về giá trị tác phẩm với các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục; chủ động đặt câu hỏi để người nghe cùng tương tác và đối thoại. - Thể hiện sự tôn trọng những cách cảm nhận, đánh giá đa dạng đối với một tác phẩm nghệ thuật.

***CHUẨN BỊ NÓI VÀ NGHE**

a. Mục tiêu: HS nắm được quy trình của bài nói và nghe, có kĩ năng, tự tin trình bày sản phẩm trước tập thể lớp.

b. Nội dung: HS tìm hiểu phần chuẩn bị nói và chuẩn bị nghe.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HĐ của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. GV nêu Những lưu ý trong việc lựa chọn đề tài.	II. Chuẩn bị nói 1. Lựa chọn đề tài: - Đề tài của bài nói có thể được khai thác từ kết quả của hoạt động viết trước đó, nghĩa là có thể giới thiệu về chính bài thơ mà bạn đã chọn để viết bài phân tích, đánh giá. Cũng có thể giới thiệu về một tác phẩm thuộc loại hình nghệ thuật khác như bài hát (hay bản nhạc), bộ phim, bức tranh, bức tượng...

Bước 2: GV giao nhiệm vụ: ? Trước khi nói, hãy trả lời các câu hỏi sau: - Vấn đề trọng tâm của bài nói là gì? - Người nghe là ai? - Chọn không gian nào để thực hiện bài nói? - Dự định trình bày trong bao nhiêu phút? - Dự định lựa chọn hình thức thuyết trình nào? - Ngoài lựa chọn đề tài nói, em còn cần chuẩn bị những gì để bài nói tốt nhất? Bước 3: HS thực hiện nhiệm vụ: - HS trả lời cá nhân theo nhiệm vụ. Bước 4: HS báo cáo kết quả và thảo luận: Bước 5: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ: GV nhận xét, chuẩn kiến thức, kỹ năng. -GV giao nhiệm vụ: Tìm ý và lập dàn ý bài “Tràng giang” (Huy Cận) ? Hãy tìm ý và sắp xếp ý cho bài thuyết trình -HS thực hiện nhiệm vụ: HS chuẩn bị, tìm ý và lập dàn ý cho bài giới thiệu, đánh giá GV nhận xét, chuẩn kiến thức, kỹ năng.	- Để việc giới thiệu đạt hiệu quả tương tác tốt với người nghe, nên chọn tác phẩm nào từng được nhiều bạn trong lớp quan tâm; đặc biệt, về tác phẩm đó, người giới thiệu có thể tạo cho người nghe cơ hội được thấy, xem, nghe trực tiếp, dù chỉ qua các phiên bản, ảnh chụp hay qua các video clip sưu tầm được. - Vấn đề thuyết trình: giới thiệu một tác phẩm thơ (“Tràng giang” của Huy Cận.) - Người nghe: cô (thầy) giáo và các bạn trong lớp. - Không gian: lớp học - Thời gian: khoảng 3- 5 phút - Hình thức thuyết trình: lời nói kết hợp với trình chiếu slide, kết hợp hình ảnh, sơ đồ, bảng biểu thống kê,.. (nếu có) để bài nói thêm sinh động và hấp dẫn hơn. - Xác định giọng kể, ngữ điệu, điệu bộ, nét mặt,... cho phù hợp với nội dung thuyết trình. - Chuẩn bị nội dung trình bày: + Xem lại dàn ý và bài viết đã hoàn thành ở phần Viết. Chỉnh sửa bài viết thành văn bản phù hợp để nói trong buổi học. + Tập đọc diễn cảm bài thơ “Tràng giang” để làm dẫn chứng. 2. Tìm ý và sắp xếp ý: -Yêu cầu: +Nếu chọn giới thiệu về bài thơ được bàn tới trong bài viết trước đó, cần rút gọn bài viết thành một dàn ý cho bài nói, đánh dấu những ý quan trọng sẽ trình bày, những bằng chứng minh họa sẽ nêu lên và phân tích (có thể điều chỉnh trình tự các ý đã được trình bày trong bài viết, sao cho mạch triển khai của bài nói được thông suốt). + Nếu chọn giới thiệu về một tác phẩm thuộc loại hình nghệ thuật khác, cần hình thành hệ thống ý dựa trên việc trả lời các câu hỏi như: Tên của tác phẩm là gì? Tác giả là ai? Có thể thấy, xem, nghe tác phẩm ở đây? Tác phẩm có đặc điểm gì về nội dung và hình thức? Câu chuyện, vấn đề, thông điệp được nêu hoặc toát ra từ tác phẩm là gì, từng được đón nhận như thế nào và có ý nghĩa ra sao? Tác phẩm đã đóng góp được điều gì cho đời sống nghệ thuật và đời sống tinh thần của cộng đồng?
---	---

	+ Toàn bộ những ý có được nhờ trả lời các câu hỏi trên nên được tổ chức theo bố cục: Nhận diện → Tìm hiểu → Đánh giá → Đề xuất thái độ, cách thức tiếp nhận phù hợp. Ví dụ: Tìm ý và lập dàn ý bài “Tràng giang” (Huy Cận) “Tràng giang” – Huy Cận Lí do lựa chọn “Tràng giang” Ý nghĩa nhan đề bài thơ “Tràng giang” Mạch cảm xúc của nhân vật trữ tình Vẻ đẹp của hình tượng thơ Tính độc đáo của các phương tiện ngôn từ Nét hấp dẫn của bài thơ so với một số tác phẩm khác Lưu ý. Đối với người nghe: - Tìm hiểu trước về vấn đề thảo luận cách sử dụng, xem xét các tri thức ngữ văn, đọc các tài liệu mà người nói có thể đã chuẩn bị và cung cấp - Chuẩn bị tâm thế là nghe và đối thoại với người thuyết trình, chú ý theo dõi các người thuyết trình phân tích từ ngữ, hình ảnh, cách sử dụng thao tác phân tích.
--	--

*THỰC HÀNH NÓI

a. Mục tiêu: Biết cách, tự tin giới thiệu về một tác phẩm nghệ thuật trước cả lớp.

b. Nội dung: HS trình bày sản phẩm sau khi đã lập dàn ý xong.

c. Sản phẩm: HS trình bày bằng ngôn ngữ nói, giọng điệu của mình.

d. Tổ chức thực hiện:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: GV giao nhiệm vụ: ? Trước khi nói, hãy trả lời các câu hỏi sau: - Vấn đề trọng tâm của bài nói là gì? - Người nghe là ai? - Chọn không gian nào để thực hiện bài nói? - Dự định trình bày trong bao nhiêu phút? - Dự định lựa chọn hình thức thuyết trình nào? - Ngoài lựa chọn đề tài nói, em còn cần chuẩn bị những gì để bài nói tốt nhất? Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ: - HS trả lời cá nhân theo nhiệm vụ. Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận:	III. Thực hành nói 1. Yêu cầu: Bài nói phải đảm bảo kết cấu gồm ba phần với các yêu cầu chính về nội dung như sau: - Mở đầu: Nêu tên tác phẩm được giới thiệu và lý do chọn giới thiệu tác phẩm đó. - Triển khai: Miêu tả đặc điểm của tác phẩm (thể loại, tính chất, quy mô, dung lượng,...) và nêu nhận xét, đánh giá về tác phẩm theo các góc độ tiếp cận khác nhau. - Kết luận: Khẳng định giá trị chung và ý nghĩa của tác phẩm. 2. Ví dụ: giới thiệu bài thơ Tràng giang a. Người nói: *Mở đầu: Giới thiệu ngắn gọn về bài thơ, có thể sử dụng nhiều cách dẫn dắt khác nhau để tạo không khí cho giờ học.

- GV gọi HS trả lời câu hỏi về vấn đề HS chuẩn bị thuyết trình. - HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung. Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ: GV nhận xét, chuẩn kiến thức, kỹ năng. GV giao nhiệm vụ: Tìm ý và lập dàn ý bài “Tràng giang” (Huy Cận) ? Hãy tìm ý và sắp xếp ý cho bài thuyết trình HS thực hiện nhiệm vụ: Bước 1: GV giao nhiệm vụ: Trước khi nghe, em cần chuẩn bị những gì? Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ: Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận: Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ: GV nhận xét, chuẩn kiến thức, kỹ năng. Thực hành nói và nghe Bước 1: GV giao nhiệm vụ: - Một số HS trình bày bài thuyết trình trước lớp. Còn những HS khác lắng nghe, quan sát, theo dõi và điền vào bảng kiểm đánh giá bài thuyết trình cho bạn (theo mẫu) Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ được phân công Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.	Lưu ý: + Đây không phải là yêu cầu bắt buộc nhưng để tránh việc nói mà như đọc, người nói cần khơi gợi được sự tương tác từ người nghe. + Có thể chỉ cần chọn một phương diện nào đó về tư tưởng, tình cảm hoặc hình thức nghệ thuật của bài thơ mà mình thấy tâm đắc để thuyết trình. *Triển khai: Trình bày lần lượt các thông tin có trong bài viết theo hình thức tóm lược, kết hợp nhịp nhàng với việc trình chiếu PowerPoint (nếu có). + Dành nhiều thời gian hơn để nói về những giá trị nổi bật của bài thơ mà mình đã cảm nhận được. + Nên nhấn mạnh các thao tác mình đã sử dụng để phát hiện giá trị thẩm mỹ hay tư tưởng trong bài thơ (liên tưởng, đối lập). + Với bài thuyết trình về bài thơ “Tràng giang”, cần nhấn mạnh đến các phương diện: (1) Nhan đề; (2) Cấu tứ; (3) Hình ảnh; (4) Tâm trạng nhân vật trữ tình..... *Kết luận: Khái quát lại những điều mình cảm nhận cũng như đánh giá về giá trị của bài thơ trên các phương diện hình thức và nội dung. Có thể kết bài bằng những câu khuyến khích người nghe chia sẻ những góc nhìn khác, phát hiện khác về bài thơ. b. Người nghe: - Có thái độ tôn trọng, đặc biệt quan tâm đến cảm xúc của người thuyết trình. - Ghi chép những ý tưởng trong bài thuyết trình đã khiến mình thực sự thấy hứng thú, những điểm bạn còn băn khoăn, muốn trao đổi. Chú ý đến phong thái của người thuyết trình (ví dụ: sự tự tin, khả năng điều tiết giọng nói, ngôn ngữ, cử chỉ,...)
---	--

***TRAO ĐỔI, ĐÁNH GIÁ**

a. Mục tiêu: HS được rèn kỹ năng đánh giá bài nói, kỹ năng nghe, từ đó rút kinh nghiệm cho bản thân khi thực hiện bài nói thuyết trình trước tập thể

b. Nội dung: HS trả lời câu hỏi cá nhân.

c. Sản phẩm: Bảng kiểm đánh giá (tự đánh giá) bài nói, nghe .

d. Tổ chức thực hiện:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm																																				
Bước 1: GV giao nhiệm vụ: - Gọi một số HS trình bày phần nhận xét đánh giá của mình về bài thuyết trình trước lớp của bạn. Còn những HS khác lắng nghe, quan sát, theo dõi vào bảng kiểm đánh giá bài nói của bạn - HS cả lớp tự đánh giá kĩ năng nói và kĩ năng nghe của bản thân dựa theo bảng gợi ý SGK tr.73. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ được phân công Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.	IV. Trao đổi, đánh giá 1. Người nói - Làm rõ những điều người nghe muốn tìm hiểu thêm. - Trao đổi lại những điểm chưa thống nhất về ý kiến. - Thể hiện thái độ tiếp thu tích cực, cầu thị. 2. Người nghe - Nêu những vấn đề muốn làm rõ hơn về tác phẩm. - Nêu quan điểm đánh giá khác về tác phẩm (trên tinh thần tranh luận). - Bổ sung thông tin về tác phẩm. - Góp ý với người nói về cách thể hiện bài nói. Lưu ý: Cả người nói và người nghe cùng bổ sung những yêu cầu phải đảm bảo khi giới thiệu, đánh giá về một tác phẩm thơ. Bảng kiểm tự đánh giá và đánh giá về bài nói <table><tr><th rowspan="2">STT</th><th rowspan="2">Nội dung đánh giá</th><th colspan="2">Kết quả</th></tr><tr><th>Đạt</th><th>Chưa đạt</th></tr><tr><td>1</td><td>Lựa chọn được tác phẩm nghệ thuật phù hợp để giới thiệu.</td><td></td><td></td></tr><tr><td>2</td><td>Cung cấp được thông tin toàn diện về tác phẩm.</td><td></td><td></td></tr><tr><td>3</td><td>Trình bày được ý nghĩa của việc giới thiệu tác phẩm.</td><td></td><td></td></tr><tr><td>4</td><td>Thể hiện được những đánh giá xác đáng, có căn cứ về tác phẩm.</td><td></td><td></td></tr><tr><td>5</td><td>Lựa chọn được cách giới thiệu hấp dẫn, phù hợp với tính chất, đặc điểm của tác phẩm.</td><td></td><td></td></tr><tr><td>6</td><td>Thực hiện được sự tương tác tích cực với người nghe.</td><td></td><td></td></tr></table> Bảng tự kiểm tra kĩ năng nói của bản thân <table><tr><th>Nội dung tự kiểm tra kĩ năng nói</th><th>Đạt/ chưa đạt</th></tr><tr><td colspan="2">- Rút kinh nghiệm về bài thuyết trình:</td></tr><tr><td>+ Đã thuyết trình đầy đủ các nội dung chuẩn bị trong dàn ý chưa?</td><td></td></tr></table>	STT	Nội dung đánh giá	Kết quả		Đạt	Chưa đạt	1	Lựa chọn được tác phẩm nghệ thuật phù hợp để giới thiệu.			2	Cung cấp được thông tin toàn diện về tác phẩm.			3	Trình bày được ý nghĩa của việc giới thiệu tác phẩm.			4	Thể hiện được những đánh giá xác đáng, có căn cứ về tác phẩm.			5	Lựa chọn được cách giới thiệu hấp dẫn, phù hợp với tính chất, đặc điểm của tác phẩm.			6	Thực hiện được sự tương tác tích cực với người nghe.			Nội dung tự kiểm tra kĩ năng nói	Đạt/ chưa đạt	- Rút kinh nghiệm về bài thuyết trình:		+ Đã thuyết trình đầy đủ các nội dung chuẩn bị trong dàn ý chưa?	
STT	Nội dung đánh giá			Kết quả																																	
		Đạt	Chưa đạt																																		
1	Lựa chọn được tác phẩm nghệ thuật phù hợp để giới thiệu.																																				
2	Cung cấp được thông tin toàn diện về tác phẩm.																																				
3	Trình bày được ý nghĩa của việc giới thiệu tác phẩm.																																				
4	Thể hiện được những đánh giá xác đáng, có căn cứ về tác phẩm.																																				
5	Lựa chọn được cách giới thiệu hấp dẫn, phù hợp với tính chất, đặc điểm của tác phẩm.																																				
6	Thực hiện được sự tương tác tích cực với người nghe.																																				
Nội dung tự kiểm tra kĩ năng nói	Đạt/ chưa đạt																																				
- Rút kinh nghiệm về bài thuyết trình:																																					
+ Đã thuyết trình đầy đủ các nội dung chuẩn bị trong dàn ý chưa?																																					

	+ Cách thức thuyết trình, phong thái, giọng điệu, ngôn ngữ... có phù hợp không?	
	+ Các phương tiện hỗ trợ có hiệu quả như thế nào?	
	- Đánh giá chung:	
	+ Điều em hài lòng về bài thuyết trình của mình là gì?	
	+ Điều gì em mong muốn thay đổi trong bài thuyết trình đó?	
	Bảng tự kiểm tra kĩ năng nghe:	
	Nội dung tự kiểm tra kĩ năng nghe	Đạt/ chưa đạt
	- Kiểm tra kết quả nghe:	
	+ Nội dung nghe và ghi chép lại đã chính xác chưa?	
	+ Thu hoạch được những gì về nội dung và cách thức thuyết trình giới thiệu, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm thơ của bạn?	
	- Rút kinh nghiệm về thái độ nghe:	
	+ Đã chú ý và tôn trọng người thuyết trình chưa?	
	+ Có nêu được câu hỏi và tham gia ý kiến trong quá trình thảo luận không?	

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP (Thực hành nói và nghe)

a. Mục tiêu: Biết cách, tự tin giới thiệu về một tác phẩm nghệ thuật trước cả lớp.

b. Nội dung: HS trình bày sản phẩm sau khi đã lập dàn ý xong.

c. Sản phẩm: HS trình bày bằng ngôn ngữ nói, giọng điệu của mình.

d. Tổ chức thực hiện:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: GV giao nhiệm vụ: ? Giới thiệu bài thơ Tràng giang - Vấn đề trọng tâm của bài nói là gì? - Người nghe là ai? - Chọn không gian nào để thực hiện bài nói? - Dự định trình bày trong bao nhiêu phút? - Dự định lựa chọn hình thức thuyết trình nào? - Ngoài lựa chọn đề tài nói, em còn cần chuẩn bị những gì để bài nói tốt nhất? Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:	Ví dụ: giới thiệu bài thơ Tràng giang - Người nói: - Người nghe: - Bài mẫu (sưu tầm) Giới thiệu tác phẩm Tràng giang của Huy Cận về khía cạnh cấu tứ, hình ảnh và giá trị tạo hình. Chào thầy/ cô và các bạn, Như chúng ta đã biết, con người luôn bị chi phối bởi hoàn cảnh, các nhà thơ trong phong trào Thơ mới cũng vậy, hoàn cảnh đã đưa họ tiếp cận với những vần thơ sâu sắc, chứa chan tình yêu nước sâu đậm. Tiêu biểu trong đó ta phải kể đến đó là nhà thơ Huy Cận với tác phẩm Tràng giang - một

- HS trả lời cá nhân theo nhiệm vụ.

Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận:

- GV gọi HS trả lời câu hỏi về vấn đề HS chuẩn bị thuyết trình.

- HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ:

GV nhận xét, chuẩn kiến thức, kĩ năng.

Đối với người nghe

Bước 1: GV giao nhiệm vụ:

Trước khi nghe, em cần chuẩn bị những gì?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:

Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận:

Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ:

GV nhân xét, chuẩn kiến thức, kĩ năng.

Thực hành nói và nghe

Bước 1: GV giao nhiệm vụ:

- Một số HS trình bày bài thuyết trình trước lớp. Còn những HS khác lắng nghe, quan sát, theo dõi và điền vào **bảng kiểm đánh giá bài thuyết trình** cho bạn (theo mẫu)

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ được phân công

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.

tác phẩm hay, ý nghĩa về tấm lòng của một con người luôn nặng lòng vì nước thể hiện qua cấu tứ, hình ảnh trong bài thơ.

Bài thơ được gọi cảm hứng từ một buổi chiều thu bên bên Chèm, chàng thi sĩ đứng cạnh dòng nước, ngắm nhìn đất trời cảnh vật mà “tức cảnh sinh tình”. Nguồn cảm hứng đó ta có thể thấy rõ qua câu đề từ của bài thơ “Bâng khuâng trời rộng nhớ sông dài”. Câu đề từ gọi ra một không gian rộng lớn nơi con người chan chứa cảm xúc bâng khuâng khó tả.

Sóng gợn tràng giang buồn điệp điệp

Con thuyền xuôi mái nước song song

Thuyền về nước lại sầu trăm ngả

Củ một cành khô lạc mấy dòng

Hình ảnh đầu tiên xuất hiện là hình ảnh con sóng nhấp nhô trùng trùng, điệp điệp. Con sóng tầng tầng, lớp lớp ấy kéo theo là nỗi buồn của nhân vật trữ tình, nhìn sóng nước như nhìn thấy nỗi buồn trong lòng mình. Cùng với đó là hình ảnh con thuyền lênh đênh trên sông gợi liên tưởng về một kiếp người nghèo khổ, nay đây mai đó, không biết đi đâu về đâu. Trong thơ Đường, ta đã từng bắt gặp hình ảnh con thuyền và dòng sông đầy ám ảnh, trĩu nặng cái tình của người đưa tiễn:

Cô phàm viễn cảnh bích không tân

Duy kiến Trường giang thiên tế lưu

(Lí Bāch)

Con thuyền dường như trở lên nhỏ bé lạ thường
kết hợp với hình ảnh cánh củi bị cuốn theo dòng
nước càng tô đậm thêm sự nhỏ bé của sự vật hay
chính là một kiếp người nào đó trong xã hội.
Sang đến khổ thơ thứ hai, ta bắt gặp hình ảnh khái
quát toàn bộ khung cảnh sông nước thể hiện hiện
qua 4 câu thơ:

Lơ thơ còn nhỏ gió đều hiu

Đâu tiếng làng xa vãn chợ chiều

Nặng xuống trời lên sâu chót vót

Sông dài trời rộng bến cô liêu

Đến đây, khung cảnh trở lên thật tĩnh lặng, vắng vẻ, gợi lên một nỗi buồn thầm kín, khó tả. Các từ láy “lơ thơ”, “chót vót”, “điều hiu” gợi lên cảm nhận về một sự xa xăm, sự vắng lặng lạ thường, nhỏ bé của con người so với vũ trụ bao la. Gió hiu hiu thổi trên cồn cát vắng bóng của sự sống con người, sự vật, con người thật nhỏ bé, vô định trước sự rộng lớn của vũ trụ. Và không gian cứ mở rộng, con người lại càng cô đơn, nhỏ bé và buồn tủi trước thiên nhiên rộng lớn. Để rồi, sự cô quạnh, lạnh lẽo ấy khiến tác giả phải thốt ra thành lời

khiến người đọc không khỏi buồn lây mà cảm
thán:

*Bèo dạt về đâu hàng nối hàng
Mênh mông không một chuyến đò ngang
Không cầu gợi chút niềm thân mật
Lặng lẽ bờ xanh tiếp bãi vàng*

Hình ảnh bèo dạt đã nhiều lần xuất hiện trong thơ
ca, nhưng ở đây nó lại thấm thía sự chia ly, gợi lên
sự nhỏ bé, mong manh của kiếp người giữa dòng
đời. Hình ảnh bèo nối hàng gợi cảm nhận về
những kiếp người chìm nổi trong xã hội, họ vẫn ở
đó và ngày càng khổ đau hơn. “Không một chuyến
đò ngang” đã thể hiện sự vắng bóng, thiếu sự gắn
kết với con người. Cảnh vật càng trở lên hoang
vắng, mênh mông đến tận cùng như nỗi buồn của
con người. Trên nền không gian ấy, hình ảnh bãi
vàng vẫn hiện lên, tô điểm thêm bức tranh đồng
thời cũng tô đậm thêm sự thiếu sức sống, vắng
lặng của cảnh vật hoang tàn. Phải chăng bởi lòng
người u buồn khiến cho cảnh vật chẳng thể đẹp
mà cũng nặng trĩu tâm tư của nhân vật trữ tình?
Để rồi khổ cuối càng bộc lộ rõ tâm tư, tình cảm
của tác giả:

*Lớp lớp mây cao đùn núi bạc
Chim nghiêng cánh nhỏ: bóng chiều sa
Lòng quê dờn dợn vời con nước
Không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà*

Hình ảnh cánh chim và đám mây tiếp tục tô điểm
thêm cho bức tranh thiên nhiên vũ trụ rộng lớn, cô
quạnh. Sự hùng vĩ của cảnh sắc của những đám
mây lớp lớp nối tiếp nhau cũng cánh chim đang
bay về tổ ấm báo hiệu hoàng hôn đang buông
xuống. Sự tương phản giữa cánh chim và bầu trời
càng làm nổi bật lên sự tồn tại nhỏ bé như kiếp
người, cũng nhỏ bé và vô định giữa đất trời rộng
lớn. Bởi vậy lòng người chỉ càng thêm tịch mịch
và u buồn. Nỗi buồn về kiếp người, về nỗi nhớ quê
hương tha thiết của một con người nơi đất khách
quê người đang tức cảnh sinh tình, bộc lộ nỗi lòng
của mình.

Tóm lại, *Tràng giang* là một bài thơ đặc sắc
cả về cấu tứ thơ cũng như các hình ảnh được sử
dụng. Không chỉ thể hiện được sự tài hoa trong
sáng tác thơ của Huy Cận mà nó còn làm nổi bật
lên tâm tư, tình cảm trĩu nặng nỗi buồn và niềm
mong nhớ về quê hương của tác giả. Cùng với đó,
sự kết hợp hài hòa giữa yếu tố cổ điển và hiện đại
đã tạo nên một thi phẩm độc đáo về tình yêu quê
hương, đất nước con người ẩn chứa trong nỗi buồn
thầm kín của một con người đa sầu, đa cảm như

	Huy Cận. Đến đây, phần trình bày của em xin kết thúc, cảm ơn thầy/ cô và các bạn đã lắng nghe!
--	--

HOẠT ĐỘNG 4: Củng cố, mở rộng

a. Mục tiêu: Nắm rõ yêu cầu và biết cách giới thiệu, đánh giá một tác phẩm nghệ thuật

b. Nội dung: Ôn lại kiến thức đã học

c. Sản phẩm:

d. Tổ chức thực hiện:

1. Bài học đã đưa lại cho bạn những hiểu biết mới gì về thơ?
2. Khi đọc một bài thơ, việc tìm hiểu cấu tứ của nó có ý nghĩa như thế nào?
3. Có thể nhận diện yếu tố tượng trưng trong thơ căn cứ vào những biểu hiện cụ thể gì?
4. Chọn phân tích một bài thơ hoặc một số câu thơ có yếu tố tượng trưng đã tạo cho bạn những ấn tượng sâu đậm.
5. Xây dựng dàn ý cho bài thuyết trình về một tác phẩm nghệ thuật tự chọn?

***GV giao nhiệm vụ, HS hoàn thành phiếu học tập:**

Phiếu học tập

Bài học đã đưa lại cho bạn những hiểu biết mới gì về thơ?	
Khi đọc một bài thơ, việc tìm hiểu cấu tứ của nó có ý nghĩa như thế nào?	
Có thể nhận diện yếu tố tượng trưng trong thơ căn cứ vào những biểu hiện cụ thể gì?	
Chọn phân tích một bài thơ hoặc một số câu thơ có yếu tố tượng trưng đã tạo cho bạn những ấn tượng sâu đậm.	
Xây dựng dàn ý cho bài thuyết trình về một tác phẩm nghệ thuật tự chọn?	

***HS báo cáo sản phẩm, thảo luận, GV chốt kiến thức:**

Phiếu học tập

Bài học đã đưa lại cho bạn những hiểu biết mới gì về thơ?	Bài học đã đưa lại những hiểu biết mới về thơ: - Cấu tứ trong thơ - Yếu tố tượng trưng trong thơ - Ngôn ngữ trong thơ (một số hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường).
Khi đọc một bài thơ, việc tìm hiểu cấu tứ của nó có ý nghĩa như thế nào?	Khi đọc một bài thơ, việc tìm hiểu cấu tứ của bài thơ góp phần xác định, hình dung hướng phát triển của hình tượng thơ, cách triển khai bài thơ, giúp hiểu được nhận thức, cảm xúc, cảm giác của tác giả về một vấn đề, đối tượng, sự việc nào đó.
Có thể nhận diện yếu tố tượng trưng trong thơ căn cứ vào những biểu hiện cụ thể gì?	Có thể nhận diện yếu tố tượng trưng trong thơ căn cứ vào những biểu hiện cụ thể: + Tính biểu tượng của các hình ảnh, chi tiết, sự việc,... + Việc sử dụng biểu tượng, hình ảnh nghệ thuật so sánh, ẩn dụ,... + Sự sáng tạo về ngôn từ. + Tính nhạc trong thơ. + ...

	- Một số bài thơ có yếu tố tượng trưng: Xuân tượng trưng (Bích Khê), Tiếng thu (Lưu Trọng Lư), Đêm mưa gió (Thế Lữ), Màu thời gian (Đoàn Phú Tứ)...
Chọn phân tích một bài thơ hoặc một số câu thơ có yếu tố tượng trưng đã tạo cho bạn những ấn tượng sâu đậm.	Đoạn thơ trích trong bài “Màu thời gian” – Đoàn Phú Tứ: Màu thời gian không xanh Màu thời gian tím ngắt Hương thời gian không nồng Hương thời gian thanh thanh Phân tích: - Thời gian trong bài thơ là tượng trưng. Nó không phải thời gian vật lí mà là thời gian tâm trạng, thời gian của sự trầm tư. - Màu tím tượng trưng cho tình yêu, cho sự thủy chung của tác giả. - Màu thời gian và hương thời gian gợi liên tưởng đến màu tình yêu và hương tình yêu: vừa cụ thể, vừa nhiều mộng mơ; vừa trần tục, vừa thanh cao thoát tục.
Xây dựng dàn ý cho bài thuyết trình về một tác phẩm nghệ thuật tự chọn?	HS tự làm ở nhà

4. HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ:

- Tìm trong sách, báo thông tin về các tác giả, tác phẩm đã học hoặc truy cập Internet để rèn luyện tiếp kĩ năng nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm thơ.
- Tìm đọc thêm một số bài thơ hai-cư Nhật Bản, thơ của Đỗ Phủ và các nhà thơ Đường Trung Quốc, Việt Nam, thơ Hàn Mặc Tử và các nhà Thơ mới,... có cùng đề tài với các bài thơ đã học.

5. CHUẨN BỊ BÀI 3: Cấu trúc của văn bản nghị luận.